



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trụ sở: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6276 5555 - Fax: (024) 6276 5556

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Thời gian tổ chức: 13 giờ 30 phút, Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Địa điểm: Phòng họp Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
13h00-13h30	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu
13h30-13h40	Ôn định tổ chức, khai mạc Đại hội
13h40-13h45	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
13h45 -14h00	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu– Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội
14h00-15h30	Trình bày các tờ trình và Báo cáo: <ul style="list-style-type: none">– Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025;– Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025;– Báo cáo của kết quả hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát và phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2025;– Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;– Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024;– Thông qua phương án thù lao của HĐQT và BKS năm 2025;– Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán năm 2025;– Thông việc thay đổi tên Tổng công ty, sửa điều lệ;– Thông qua việc sửa Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty;– Thông qua việc bổ sung/thay thế thành viên Hội đồng quản trị;– Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ (nếu có).
15h30-15h45	<ul style="list-style-type: none">– Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề.– Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề xin ý kiến
15h45-16h00	<ul style="list-style-type: none">– Nghi giải lao– Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết
16h00- 16h15	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung
16h15-16h30	<ul style="list-style-type: none">– Thông qua Nghị quyết và Biên bản của Đại hội.– Tuyên bố bế mạc Đại hội.



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công cổ phần Bảo hiểm Hàng không,

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công cổ phần Bảo hiểm Hàng không (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thủ tục tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông Tổng Công Cổ phần Bảo hiểm Hàng không tại thời điểm ngày **01/04/2025** (ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- a) Cổ đông hoặc người, tổ chức được ủy quyền (sau đây gọi tắt là người được ủy quyền) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Giấy tờ pháp lý của cổ đông, người được ủy quyền;
 - Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và nhận tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người, tổ chức khác nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự phiên họp không được ủy quyền cho người, tổ chức khác tham dự phiên họp.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn có ý kiến thảo luận phải ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi đã được phát kèm cùng các tài liệu của Đại hội và chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

f) Các cổ đông, người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông, người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu; Chủ tịch đoàn là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

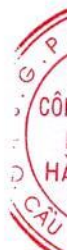
c) Trình hoặc ủy quyền cho người khác trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công Cổ phần Bảo hiểm Hàng không quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định



Handwritten signature or mark.

tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký đại hội gồm 02 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;

b) Chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả trước Đại hội.

d) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

1. Nguyên tắc biểu quyết:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết.

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu, ủy quyền và đại diện), số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:** Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Thông qua Biên bản đại hội và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: *tán thành, không tán thành, không có ý kiến*)

b) **Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

– Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để *tán thành, hoặc không tán thành, hoặc không có ý kiến* một vấn đề bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

c) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền ký bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

d) Thẻ biểu quyết không hợp lệ là các thẻ:

– Thẻ biểu quyết không do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không phát hành và không có dấu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

– Thẻ biểu quyết không ghi đầy đủ các nội dung như: Mã số cổ đông; Tên cổ đông/đại diện cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết; Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện; Tổng số cổ phần nhận ủy quyền (trong trường hợp nhận ủy quyền).

e) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

– Phiếu biểu quyết không do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phát hành và không có dấu của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

– Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến.

– Phiếu sửa chữa, gạch xóa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn.

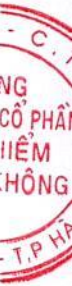
– Phiếu điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

– Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

f) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết.

3. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.



Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm có 4 Chương, 10 Điều được thông qua tại Đại hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Dũng

C. P. I. O.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2024

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là Đại Hội) biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

I/ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

c) Có bằng đại học trở lên;

d) Có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. Đối với Chủ tịch HĐQT phải có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng

e) Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam

Điều 2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

2. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật.

Điều 3. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực CMND và các bằng cấp, văn bản, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

Điều 4. Lựa chọn và công khai ứng cử viên:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội trên Website của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu.

2. Trên cơ sở các Hồ sơ ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Đoàn Chủ tịch Đại hội lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định trên trình Đại hội bầu thành viên Hội đồng quản trị.

II/ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Đối tượng tham gia bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Phương thức bầu cử và người trúng cử

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông, người đại diện có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.
- Cổ đông, người đại diện có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên trong danh sách đã được Đại hội biểu quyết



thông qua, nhưng không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông, người đại diện đó nắm giữ.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là người có số phiếu bầu cao nhất. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao nhất như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên đó để chọn người có phiếu bầu cao hơn trúng cử.

Điều 7. Phiếu bầu

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị in thống nhất: Sắp xếp ứng cử viên theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên ứng cử viên; ghi rõ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phiếu bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền theo mã số tham dự họp.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự họp.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu và Bầu cử đổi phiếu bầu khác.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

*** Ban kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử (thành viên không được là người trong danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị) và được Đại hội biểu quyết thông qua;

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn thể lệ bầu cử theo Quy chế bầu cử được Đại hội thông qua.

+ Phát và thu phiếu bầu.

+ Tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu.

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

*** Bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi hoàn tất việc phát phiếu bầu cử, kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Phiếu bầu không hợp lệ, gồm:

+ Phiếu không do Ban tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Tổng Công ty;

+ Phiếu gạch xóa, sửa chữa mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh; hoặc phiếu ghi thêm ứng cử viên ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;



- + Phiếu không ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và Bầu cử công bố trước Đại hội;

- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Tổng Công ty.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu và Bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Đoàn Chủ tịch Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm 04 trang, 10 điều, có hiệu lực ngay khi Đại hội thông qua, là cơ sở để Đại hội bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028.

"Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng"

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

Số: 03/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG
HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (HĐQT) xin trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và môi trường kinh doanh nhiều biến động. Tuy nhiên, với chiến lược phát triển bền vững và sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, VNI đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 2,958 tỷ đồng, hoàn thành 106.1% kế hoạch.
- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 149.7 tỷ đồng, hoàn thành 107.7% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 11.533 tỷ đồng, hoàn thành 35.8% kế hoạch năm.
- Tổ chức họp HĐQT 05 lần và thông qua 73 Nghị quyết.
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 và 02 lần tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Mặc dù ngành bảo hiểm chịu tác động nặng nề từ bão Yagi, VNI vẫn hoàn thành các chỉ tiêu tài chính quan trọng, giữ vững vị thế TOP 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu. Ngoài ra, VNI tiếp tục khẳng định uy tín thương hiệu qua các thành tựu nổi bật: TOP 1 doanh thu bảo hiểm xe cơ giới; TOP 10 Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ uy tín; TOP 100 Sao vàng đất Việt 2024.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2024 đã đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật. Các quyết sách quan trọng nhận được sự đồng thuận cao, là tiền đề quan trọng để VNI tiếp tục phát triển bền vững.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT, và tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết các yêu cầu của công việc. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục



1

theo quy định; các Biên bản cuộc họp được lập đảm bảo đúng hình thức, nội dung, và có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

HĐQT đã định hướng và chỉ đạo sát sao các vấn đề sau: công tác triển khai kế hoạch kinh doanh 2024, công tác phát triển kênh khai thác và mở rộng mạng lưới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân sự chủ chốt, công tác đầu tư, công tác quảng bá thương hiệu VNI, công tác thu hồi công nợ, ấn chỉ và các công việc khác đã được ĐHCĐ ủy quyền thực hiện...

Đặc biệt trong năm 2024, với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam và trên toàn thế giới của cổ đông chiến lược DBI – Công ty bảo hiểm phi nhân thọ TOP 2 Hàn Quốc, VNI đã và đang dần khẳng định một vị thế mới tại thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan đạt được, HĐQT đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- Chưa triển khai hiệu quả mảng quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

- Cơ cấu doanh thu còn phụ thuộc khá nhiều vào bán lẻ với sản phẩm chủ đạo là Xe cơ giới, chưa thực sự đa dạng kênh và sản phẩm. Trong năm 2025, VNI sẽ tập trung nguồn lực để phát triển thêm nhiều các kênh, đối tác, đa dạng hóa sản phẩm, hướng tới phát triển bền vững và hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025 CỦA HĐQT

Dự báo năm 2025, với tăng trưởng GDP của nền kinh tế dự kiến trên 8%, ngành bảo hiểm phi nhân thọ sẽ có nhiều cơ hội phát triển, với mức tăng trưởng doanh thu dự báo khoảng 10%. Đây cũng là năm VNI sẽ thay đổi nhận diện thương hiệu, hướng tới một diện mạo mới. Cùng với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược DBI – Công ty bảo hiểm phi nhân thọ TOP 2 Hàn Quốc, VNI sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh theo tiêu chuẩn quốc tế; tập trung vào việc tạo trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ, phát triển đa dạng sản phẩm.

Trước những cơ hội và thách thức đó, VNI quyết tâm thực hiện mục tiêu: Tăng trưởng – Hiệu quả với mục tiêu lọt TOP 5 công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu; Duy trì hoạt động đầu tư thực hiện theo hướng an toàn, hiệu quả; Cơ chế, chính sách điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với thị trường; Mở rộng đa kênh phân phối, đa dạng hóa sản phẩm. Theo đó, các chỉ tiêu chính năm 2025 như sau:

Mục tiêu: Tăng trưởng và Hiệu quả, lọt TOP 5 các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2025

- ✓ Tổng doanh thu gốc và nhận tái bảo hiểm: 4,929 tỷ đồng, trong đó:
 - + Doanh thu bảo hiểm gốc: 4,860 tỷ đồng;
 - + Doanh thu nhận tái: 69 tỷ đồng;
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính: 184 tỷ đồng;

A 9 - C
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
PHI NHÂN THỌ
VNI
GIẤY - T. P.

PL
2

✓ Lợi nhuận sau thuế: 32 tỷ đồng.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Tiếp tục thực hiện triệt để, có hiệu quả các định hướng của HĐQT về việc triển khai KHKD 2025 tại các Nghị quyết đã ban hành.

- Tái cơ cấu mô hình tổ chức tại trụ sở chính. Phát huy hết vai trò và trách nhiệm của các cá nhân/bộ phận chức năng.

- Triển khai mô hình bồi thường tập trung nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng và kiểm soát tỷ lệ bồi thường, đồng thời tiết kiệm chi phí hoạt động giám định bồi thường.

- Nâng cao năng suất lao động của các công ty thành viên đặc biệt chú trọng TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để phát huy được hết tiềm năng khai thác ở hai địa bàn này.

- Tập trung cho việc chuyển đổi số bằng việc đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh. Xây dựng các sản phẩm phù hợp với kênh bán digital.

- Tăng cường phối hợp với BKS để nâng cao việc quản trị Tổng công ty; thực hiện phối hợp đồng bộ, có hiệu quả với BKS trong công tác kiểm tra giám sát.

- Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo các thế hệ kế cận bằng các chế độ, chính sách ưu đãi.

- Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, gắn bó bằng cơ chế điều hành uyển chuyển, linh hoạt, nhằm nâng cao đời sống của người lao động.

Với tinh thần đổi mới, sáng tạo, quyết tâm bứt phá, HĐQT cam kết sẽ chỉ đạo sát sao, giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh để VNI hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra, nâng cao thứ hạng trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.

HĐQT VNI xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành của Quý cổ đông và cam kết tiếp tục nỗ lực để đưa VNI phát triển ngày càng mạnh mẽ, bền vững.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt./.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKPC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

BÁO CÁO

V/v Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ban điều hành xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

1. Tổng quan môi trường kinh doanh năm 2024

1.1. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2024

Năm 2024, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP là 7.09% vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu là 6 – 6.5% GDP), thuộc nhóm số ít các nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng 3.63% so với năm 2023, kiểm soát tốt so với mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 2.41% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 786.29 tỷ USD, tăng 15.4% so với năm 2023, trong đó xuất khẩu tăng 14.3% và nhập khẩu tăng 16.7%. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 24.77 tỷ USD.

- Tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong năm 2024 đạt gần 233.4 nghìn doanh nghiệp, tăng 7.2% so với năm 2023; 176.2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 2%.

- Ngân hàng nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thị trường bảo hiểm dần phục hồi và phát triển theo định hướng, mục tiêu đề ra. Thị trường chứng khoán hoạt động ổn định, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng 20.6% so với cuối năm 2023.

1.2. Tổng quan thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2024

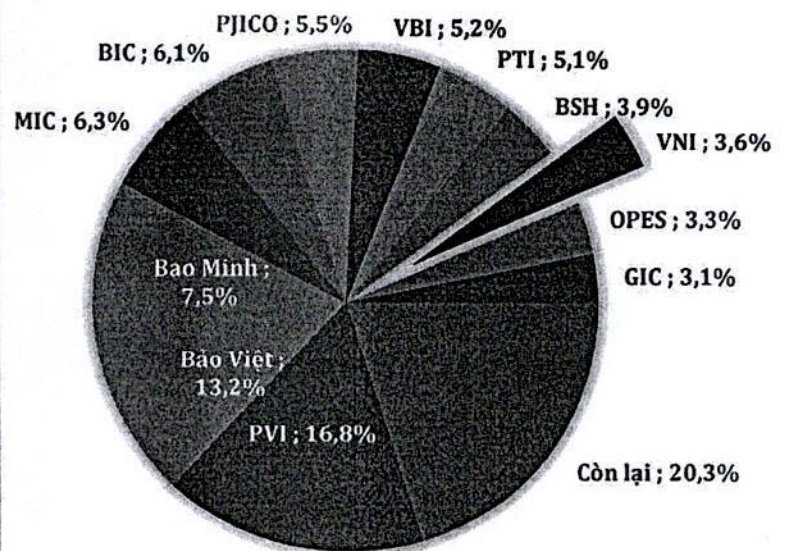
Theo số liệu thống kê của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng tốt, doanh thu đạt 79,348 tỷ đồng, tăng 11.7% so với năm 2023.

STT	Nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ trọng	Tăng trưởng
1	Bảo hiểm sức khỏe	23,802,561	28,744,565	36.2%	20.8%
2	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	20,684,886	22,284,733	28.1%	7.7%
3	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	2,840,835	3,207,396	4.0%	12.9%
4	Bảo hiểm hàng không	1,144,630	1,043,054	1.3%	-8.9%
5	Bảo hiểm xe cơ giới	17,754,654	18,693,133	23.6%	5.3%
	<i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i>	<i>4,342,228</i>	<i>4,537,935</i>	<i>5.7%</i>	<i>4.5%</i>
	<i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>	<i>13,412,426</i>	<i>14,155,199</i>	<i>17.8%</i>	<i>5.5%</i>
6	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu	2,967,659	3,354,960	4.2%	13.1%
7	Bảo hiểm trách nhiệm	1,795,091	1,914,837	2.4%	6.7%
8	Khác	74,511	105,952	0.1%	42.2%
	Tổng cộng	71,064,827	79,348,630	100.0%	11.7%

PVI tiếp tục dẫn đầu thị trường về quy mô doanh thu, PTI vị trí thứ 8 - giảm 4 bậc so với năm trước; Nhóm 04 công ty bảo hiểm MIC, BIC, PJICO và VBI tăng 1 bậc so với cùng kỳ; VNI giữ vững vị trí thứ 10, thị phần 3.6%, tăng 0.06% so với năm 2023.

TT	DNBH	Doanh thu	Thị phần	Tăng trưởng
	TOP 12	63,250,844	79.7%	10.3%
1	PVI	13,326,099	16.8%	21.1%
2	Bảo Việt	10,457,361	13.2%	3.1%
3	Bảo Minh	5,961,322	7.5%	7.2%
4	MIC	5,034,342	6.3%	7.3%
5	BIC	4,870,627	6.1%	6.9%
6	PJICO	4,385,452	5.5%	9.2%
7	VBI	4,159,531	5.2%	17.1%
8	PTI	4,009,919	5.1%	-20.8%
9	BSH	3,076,178	3.9%	0.9%
10	VNI	2,895,175	3.6%	13.7%
11	OPES	2,630,261	3.3%	88.9%
12	GIC	2,444,577	3.1%	38.8%
	CÒN LẠI	16,097,786	20.3%	17.3%
	TỔNG CỘNG	79,348,630	100.0%	11.7%

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2024



2. Kết quả kinh doanh năm 2024 của VNI

2.1. Các chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	% 2024/2023
1	Tổng tài sản	4,007,562	5,114,872	127.6%
2	Vốn chủ sở hữu	1,096,932	1,108,073	101.0%
3	Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ	1,089,040	1,452,156	133.3%
4	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	2,604,258	2,958,091	113.6%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	32,996	15,517	47.0%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	24,623	11,533	46.8%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	164	141	86.3%
8	Biên khả năng thanh toán	210%	158%	-52.3%p

2.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch được giao năm 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	%TH2024/ KH2024	%TH2024/ TH2023
1	Phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	2,604,258	2,609,475	2,958,091	113.4%	113.6%
2	Phí nhượng tái	1,152,344	1,401,623	1,010,454	72.1%	87.7%
3	Tăng/(giảm) DPP	-61,285	-36,335	238,842	-657.3%	-389.7%
4	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (1-2-3)	1,513,199	1,244,187	1,708,794	137.3%	112.9%
5	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	475,160	742,273	647,346	87.2%	136.2%
6	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4+5)	1,988,360	1,986,460	2,356,140	118.6%	118.5%
7	Chi bồi thường bảo hiểm (bao gồm dự phòng IBNR)	566,438	656,902	793,433	120.8%	140.1%
8	Dự phòng dao động lớn	14,519	13,852	-4,524	-32.7%	-31.2%
9	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (hoa hồng, chi phí kinh doanh bảo hiểm khác)	1,274,209	1,234,079	1,384,621	112.2%	108.7%
10	Tổng chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm (7+8+9)	1,855,166	1,904,832	2,173,531	114.1%	117.2%
11	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (6-10)	133,194	81,628	182,610	223.7%	137.1%
12	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	185,612	137,750	146,036	106.0%	78.7%
13	Chi phí quản lý doanh nghiệp	284,200	356,403	312,788	87.8%	110.1%
14	Lợi nhuận khác	-1,610		-341		21.2%
15	Lợi nhuận trước thuế (11+12-13+14)	32,996	40,303	15,517	38.5%	47.0%
16	Lợi nhuận sau thuế	24,623	32,242	11,533	35.8%	46.8%

2.3. Tình hình bổ sung các Quỹ dự phòng nghiệp vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 31/12/2023	Thực hiện năm 2024	Lũy kế đến 31/12/2024
1	Dự phòng phí	757,204	238,842	996,046
2	Dự phòng dao động lớn	118,656	-4,524	114,132
3	Dự phòng bồi thường	213,180	128,798	341,978
	Tổng cộng	1,089,040	363,117	1,452,156

3. Đánh giá kết quả năm 2024

- Năm 2024, VNI duy trì vị trí 10/32 trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ với tổng doanh thu bảo hiểm gốc đạt 2,895 tỷ đồng, hoàn thành 106% kế hoạch, tăng 13.6% tương đương 347.6 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023, trong đó:

- Nghiệp vụ Bảo hiểm xe cơ giới vẫn là mảng nghiệp vụ chính đóng góp vào tổng doanh thu, chiếm tỷ trọng 62.4%. VNI hiện đứng số 1 thị trường về bảo hiểm Xe cơ giới, tăng 4 bậc so với năm 2023.

- Nghiệp vụ bảo hiểm TSKT-HH về thứ hạng được cải thiện tốt, tăng 02 bậc so với năm 2023.

a. Mặt được

Cùng với việc tăng trưởng quy mô doanh thu, VNI còn chú trọng phát triển theo chiều sâu, bền vững và tập trung vào hiệu quả và chất lượng dịch vụ

- **Chuyển dịch cơ cấu doanh thu:** tỷ trọng doanh thu các nghiệp vụ ngoài xe cơ giới tăng 4.7% so với 2023 (Năm 2024 là 37.6%; Năm 2023 là 32.9%)

- Cải thiện Chất lượng dịch vụ:

+ Thành lập trung tâm Call Center:

+ Vận hành 02 trung tâm giám định bồi thường tập trung xe cơ giới tại 02 khu vực trọng điểm là Hà Nội và Hồ Chí Minh tiến tới vận hành giám định bồi thường tập trung toàn hệ thống nhằm đồng nhất và nâng cao chất lượng dịch vụ;

- **Phát triển kênh bán:** Năm 2024, ngoài lĩnh vực bán lẻ, VNI tập trung phát triển các kênh bán Môi giới (90 tỷ đồng, tăng trưởng 102.2% so với 2023); Kênh Show room (343 tỷ đồng, tăng trưởng 31.5 % so với 2023);

- **Cải thiện năng suất lao động:** Năm 2024, NSLĐ đạt 1,687 triệu đồng /người/năm, tăng 11.1% so với 2023;

- **Nâng cao thu nhập:** Thu nhập bình quân/người tăng 23.3% so với năm 2023;

- Tổ chức phát triển mạng lưới:

+ Hệ thống các phòng ban văn phòng Tổng công ty được củng cố, kiện toàn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh và phù hợp với tình hình thực tiễn với phương châm tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp.

+ Thực hiện tái cấu trúc, kiện toàn năng lực quản lý và cạnh tranh tại các đơn vị thành viên, thành lập thêm 5 đơn vị thành viên nâng tổng số công ty thành viên lên 55 đơn vị, giúp VNI mở rộng khả năng cung cấp các sản phẩm đến gần hơn với khách hàng, tối ưu thời gian xử lý bồi thường.

- **Công nghệ thông tin:** VNI đã đạt được bước tiến vượt bậc trong hành trình chuyển đổi số, tối ưu hóa mọi khía cạnh hoạt động từ bán hàng, bồi thường đến quản lý. Các giải

pháp All-in-One như VNI Connect và MyVNI đã mang đến trải nghiệm liền mạch cho khách hàng, đại lý và nhân viên, từ việc cấp đơn bảo hiểm nhanh chóng, giám định bồi thường trực tuyến đến quản lý hợp đồng hiệu quả. Hệ thống quản lý dữ liệu cũng được chuẩn hóa với công nghệ Big Data, định danh OneID, hệ thống phân tích dữ liệu Power BI giúp nâng cao hiệu suất và độ chính xác.

b. Hạn chế, tồn tại:

- Tỷ lệ Bồi thường Vật chất xe ô tô năm 2024 vẫn đang ở mức cao, tỷ lệ BT theo phí thực hưởng năm 2024 là 68.3% (loại trừ ảnh hưởng bởi bão Yagi là 67.2%). Giải pháp để kiểm soát tỷ lệ bồi thường VCX ô tô:

- + Thúc đẩy nhóm xe hiệu quả;
- + Tăng cường hợp tác với các Gara liên kết và đàm phán giảm chi phí sửa chữa;
- + Vận hành tập trung hệ thống giám định viên trên toàn quốc

- Hệ thống quy trình: VNI hiện nay có 121 quy trình được ban hành, tuy nhiên chưa được số hóa dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát, đo lường và đánh giá. Cần thực hiện số hóa các quy trình vận hành;

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

1. Dự báo môi trường kinh tế và thị trường bảo hiểm năm 2025

Năm 2025, Kinh tế toàn cầu được dự báo duy trì đà tăng trưởng ổn định ở mức 3.3%, tuy nhiên còn nhiều yếu tố rủi ro bất định. Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước từ 8% trở lên, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội; tạo tiền đề để tăng trưởng cao hơn trong các năm sau.

Tốc độ tăng trưởng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được dự báo khoảng 10% so với năm 2024. Nhóm các công ty bảo hiểm phi nhân thọ lớn tiếp tục chiếm lĩnh thị phần, tập trung vào hiệu quả. Dự báo, thị trường vẫn tiếp tục cạnh tranh gay gắt về phí và chi phí, đặc biệt nhóm doanh nghiệp bảo hiểm mới gia nhập thị trường.

Thị trường bảo hiểm Việt Nam đang dần thay đổi từ lấy người bán làm trung tâm sang lấy khách hàng làm trung tâm thông qua sự tăng trưởng cả về lượng và chất;

Sự phổ biến của Internet và Xu hướng tiêu dùng thông minh đang thúc đẩy các doanh nghiệp bảo hiểm đẩy mạnh số hóa, áp dụng công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Một số chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	%KH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	2,958,091	4,929,000	166.6%
	<i>Doanh thu phí bảo hiểm gốc</i>	<i>2,894,894</i>	<i>4,860,000</i>	<i>167.9%</i>
	<i>Doanh thu nhận tái bảo hiểm</i>	<i>63,197</i>	<i>69,000</i>	<i>109.2%</i>
2	Doanh thu hoạt động tài chính	149,745	184,000	123.8%
3	Lợi nhuận trước thuế	15,517	40,000	258.1%
4	Lợi nhuận sau thuế	11,533	32,000	281.4%

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

Định hướng kinh doanh năm 2025:

- Phát triển bền vững, hiệu quả, tạo dựng năng lực cạnh tranh mới ở cả thị trường trong nước và quốc tế.
- Lấy khách hàng là trung tâm của mọi quyết định và hành động, từ sản phẩm, dịch vụ cho đến cách tiếp cận và giao tiếp phải mang lại giá trị và sự hài lòng cho khách hàng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Thương hiệu, Kiến toàn bộ máy tổ chức, Nhân sự, Chất lượng dịch vụ khách hàng, Kênh bán, Chất lượng mạng lưới, Sản phẩm, CNTT, ...
- Nâng cao thu nhập cho người lao động trên cơ sở cải thiện hiệu quả kinh doanh.


Một số giải pháp triển khai:

- Rà soát, kiện toàn mô hình tổ chức Tổng công ty phù hợp với định hướng kinh doanh;
- Vận hành bồi thường tập trung toàn quốc nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Quy hoạch các kênh bán hiện hữu (Bancas, Showroom, đăng kiểm...) nhằm gia tăng hợp tác có trọng điểm. Ngoài ra, tập trung mở rộng hợp tác các công ty Fintech, Insurtech;
- Đầu tư và vận hành hệ thống công nghệ thông tin cập nhật xu thế mới nhất hiện nay, online hóa đối với các hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo nghiệp vụ, kênh khai thác, ... phục vụ công tác quản trị điều hành tập trung trong thời đại kinh doanh công nghệ số, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, gia tăng trải nghiệm khách hàng.
- Tuyển dụng nhân sự có chất lượng ở tất cả các bộ phận nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Xây dựng, ban hành cơ chế thưởng phạt rõ ràng, công bằng trên cơ sở kết quả kinh doanh.

Trước bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, môi trường kinh doanh còn nhiều biến động và cạnh tranh khốc liệt, mục tiêu kinh doanh năm 2025 đề ra là một thách thức rất lớn, tuy nhiên, Ban Lãnh đạo sẽ cùng toàn thể CBNV VNI nỗ lực hết mình, đoàn kết, cùng chia sẻ, chủ động, thẳng thắn, quyết liệt, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra: VNI duy trì TOP 10 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, xây dựng VNI trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp.

Trân trọng báo cáo!

"Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng"

Nơi nhận: 
- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKPC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (sau đây viết tắt là Tổng Công ty hoặc VNI), Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, các quy định hiện hành có liên quan đến hoạt động của BKS, BKS Tổng Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 những nội dung chính sau:

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Các cuộc họp Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024-2025

BKS đã tổ chức 03 cuộc họp và thống nhất thông qua các nội dung chính như sau:

- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS sửa đổi bổ sung và phân công lại nhiệm vụ đối với các thành viên BKS.
- Thông qua việc thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty.
- Đánh giá kết quả hoạt động của BKS giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024-2025.
- Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 v/v lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2025.

2. Các hoạt động của Ban Kiểm soát

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các ĐHĐCĐ bất thường trong năm 2024 và 2025 đến thời điểm hiện tại; giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty; phối hợp với các phòng ban chức năng của Tổng Công ty giám sát: công tác quản lý, điều hành, công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, công tác ký kết thực hiện thanh lý hợp đồng, thu hồi công nợ, xử lý công nợ...
- Tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của HĐQT và Ban Điều hành khi nhận được thư mời; phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành trong việc sửa đổi cải tiến cơ cấu

quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn chủ sở hữu với mục đích bảo toàn vốn.

- Tham gia ý kiến về dự thảo sửa đổi Quy chế tài chính, Quy định quản lý tài chính.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định của Điều lệ và Quy chế hoạt động BKS.

PHẦN II

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT GIỮA 2 KỲ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN

1. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời để định hướng Tổng Công ty phát triển theo đúng phương hướng mà ĐHĐCĐ giao. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024.
- Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp và nhiều lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng email, và đã ban hành 73 Nghị quyết theo đúng chức năng, thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ bất thường ngày 06/09/2024 và ngày 28/02/2025; đã chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban Điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- Kết quả giám sát, BKS thấy: HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong các văn bản pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển của Tổng Công ty theo đúng mục tiêu phát triển mà ĐHĐCĐ đặt ra, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ. HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Tổng Công ty.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- Năm 2024, Tổng Công ty có sự thay đổi về cán bộ quản lý cấp cao nhưng dưới sự nỗ lực, chỉ đạo sát sao của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã chủ động, sáng tạo và nỗ lực rất lớn để thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch năm 2024 mà ĐHĐCĐ giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ban hành. Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh trong năm 2024, tiếp tục chú trọng phát triển thị trường, mở rộng kênh bán; áp dụng công nghệ thông tin cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết và chi trả bồi thường. Kết quả năm 2024, Tổng Công ty đạt 2,958 tỷ đồng doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoàn thành 106% kế hoạch, tuy nhiên do ảnh hưởng phần lớn từ cơn bão Yagi nên lợi nhuận chỉ hoàn thành 39% kế hoạch.
- Ngoài việc đề xuất thành lập mới và tách một số ban chức năng để phù hợp mô hình kinh doanh mới được HĐQT phê duyệt, Tổng Công ty đã triển khai tốt các chương trình đào tạo nội bộ nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng cho cán bộ nhân viên. Tuy nhiên, Tổng Công ty cần tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy định, quy trình trong tất cả các khâu tuyển dụng, kinh doanh, bồi thường, tài chính kế toán... đảm

bảo phù hợp với mô hình mới và tăng cường sự kiểm tra, giám sát chéo nhau, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

- Qua công tác giám sát, BKS thấy: Hoạt động quản trị, điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành về cơ bản đã tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết sách đúng đắn và tương đối hiệu quả giúp hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty ổn định và phát triển bền vững. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện bộ máy quản trị rủi ro, ban hành khẩu vị và các khung quản trị dựa trên khẩu vị rủi ro, đẩy mạnh công tác số hóa toàn bộ các quy trình tác nghiệp để đảm bảo kiểm soát hoạt động kinh doanh tốt nhất và tối ưu chi phí nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao và đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

3. Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và Cổ đông

- Trong năm 2024, BKS, HĐQT và Ban Điều hành luôn có sự phối hợp chặt chẽ nhằm nâng cao chất lượng của công tác quản trị vì sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.
- BKS được HĐQT, Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- BKS luôn được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT với tư cách là thành viên tham dự độc lập, khách quan. Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT ghi nhận.
- HĐQT, BKS và Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty, quy định của pháp luật trên cơ sở tôn trọng, tạo điều kiện giữa các thành viên trong BKS, giữa BKS với HĐQT và Ban Điều hành cùng vì mục tiêu chung đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của người lao động, lợi ích chung của Tổng Công ty, và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với cơ quan Nhà nước.
- Cổ đông: Trong năm 2024, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024

- BKS đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty, kết quả cụ thể như sau:
- Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
I	Tổng tài sản	Trđ	5,114,872	4,007,562
1	Tài sản ngắn hạn	Trđ	4,840,901	3,756,411
2	Tài sản dài hạn	Trđ	273,971	251,151
II	Tổng nguồn vốn	Trđ	5,114,872	4,007,562
1	Nợ phải trả	Trđ	4,006,969	2,910,630

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Trđ	1,107,902	1,096,932
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.22	1.30
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1.22	1.30
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78.34	72.63
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21.66	27.37
V	Khả năng sinh lợi			
1	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	11,362	24,623
2	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn CSH)	%	1.0	2.2
3	ROA (Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản)	%	0.2	0.6
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	106	242

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	TH 2024	TH/KH (%)
1	Doanh thu từ hoạt động KDBH	Trđ	2,163,788	2,356,140	109
2	Lợi nhuận từ hoạt động KDBH	Trđ	258,955	182,610	71
3	Lợi nhuận từ đầu tư và khác	Trđ	137,750	145,695	106
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	40,303	15,517	39
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	32,242	11,362	35

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2024 so với năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2023	2024/2023 (%)
I	Doanh thu	Trđ	2,506,908	2,175,171	115
1	Doanh thu thuần KDBH	Trđ	2,356,140	1,988,360	118
2	Doanh thu hoạt động TC	Trđ	149,745	185,925	81
3	Thu nhập khác	Trđ	1,023	886	115
II	Chi kinh doanh	Trđ	2,491,391	2,142,175	116
1	Chi hoạt động BH	Trđ	2,173,531	1,855,166	117
2	Chi hoạt động tài chính	Trđ	3,709	313	1186
3	Chi khác	Trđ	1,364	2,496	55
4	Chi quản lý doanh nghiệp	Trđ	312,788	284,200	110
III	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	15,517	32,996	47

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Tổng thù lao chi trả cho 02 thành viên BKS không chuyên trách năm 2024 là 62,222,222. Trưởng BKS chuyên trách được hưởng lương, thưởng và chế độ phúc lợi theo quy định của Tổng Công ty, không có thù lao.

PHẦN III

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- BKS có 03 thành viên, trong đó Trưởng BKS làm việc theo chế độ chuyên trách và 02 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý tại Tổng Công ty, không làm việc tại Bộ phận kế toán Tổng Công ty hoặc làm thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 của Tổng Công ty.
- BKS đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Tổng Giám đốc để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

- Trên cơ sở Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, các thành viên trong BKS đều đã tích cực tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, của BKS; tham gia lấy ý kiến rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động của BKS, Quy chế Tài chính của Tổng Công ty; phối hợp tốt với HĐQT, Tổng Giám đốc để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- Tuy nhiên trong hoạt động kinh doanh luôn tiềm ẩn những rủi ro ngoài tầm kiểm soát nên công tác kiểm soát cũng không thể tránh khỏi tồn tại. Do vậy, BKS vẫn cần cố gắng, nỗ lực trong công việc để hoàn thiện, nâng cao hơn nữa hiệu quả kiểm soát.

-

PHẦN IV

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA 2 KỲ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2025-2026

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng Công ty, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025-2026 như sau:

- Tổ chức xem xét Thư quản lý của công ty kiểm toán độc lập đã kiểm toán BCTC năm 2024 của Tổng Công ty và theo dõi ý kiến phản hồi của HĐQT và Tổng Giám đốc.
- Giám sát cuộc kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2025 của Công ty Kiểm toán độc lập.
- Thẩm định BCTC quý, BCTC bán niên và BCTC năm 2025 của Tổng Công ty.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT, các phiên họp của Tổng Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện giám sát công tác quản trị và điều hành của Tổng Công ty.



- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025-2026 và kế hoạch hoạt động của BKS, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Thay mặt BKS tôi xin kính chúc các Quý vị đại biểu, Quý Cổ đông mạnh khỏe, hành phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Ban tổ chức Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Cao Thu Hiền

C. P. 10.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05 /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng Thực hiện 2024
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	15,516,712,236
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,984,090,192
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11,532,622,044
4	Kế hoạch trích lập các quỹ	576,631,102
	- Quỹ dự trữ bắt buộc (5% LNST)	576,631,102
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-
5	Trích thưởng HĐQT, BKS, BĐH	-
6	Lợi nhuận sau trích lập các quỹ (3-4-5)	10,955,990,942
7	Lợi nhuận để lại các năm trước	81,200,000,000
8	Tổng LN để lại không chia cổ tức (6+7)	92,155,990,942

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như trên, theo đó thống nhất không chia cổ tức nhằm giữ lại nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của VNI.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ./.

"Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng."

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT, BKS
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Dũng

Số: 06 /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua Báo cáo lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về tình hình chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2024 và phương án chi trả thù lao năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2024

Tổng thù lao đã chi trả cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách nhiệm kỳ còn lại 2023 – 2028 (không bao gồm thuế TNCN), cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số tháng hưởng	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Trần Sỹ Tiến	Thành viên HĐQT	5	60.000.000
2	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	9	108.000.000
3	Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên HĐQT	5	60.000.000
4	Lê Thị Hà Thanh	Thành viên HĐQT	2	24.000.000
5	Nguyễn Thành Quang	Thành viên HĐQT	1,5	18.000.000
6	Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên BKS	8	56.000.000
7	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	5	35.000.000
8	Ngô Hồng Minh	Thành viên BKS	5	35.000.000
TỔNG:				396.000.000

Bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu./.

II. PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2025

1. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao. Mức thù lao được hưởng như sau:

- Thành viên Hội đồng Quản trị: 12.000.000 VNĐ/tháng (Chưa bao gồm thuế TNCN)
- Thành viên Ban Kiểm soát: 7.000.000 VNĐ/tháng (Chưa bao gồm thuế TNCN)

2. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách không hưởng thù lao mà hưởng lương chuyên trách. Mức lương do HĐQT quyết định.

3. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát người Hàn Quốc không hưởng thù lao.

4. Thời gian áp dụng: 01/01/2025 – 31/12/2025.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình!

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TKPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ TUẤN DŨNG



Số: 02 /2025/TTTr-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (Tổng Công ty) như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán

Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh và nhu cầu kiểm toán của Tổng Công ty, Ban Kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông các tiêu chí để lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập như sau:

- Là Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và có nhiều kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính theo các quy định của các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Tổng Công ty yêu cầu;
- Đảm bảo hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính đúng thời hạn Tổng công ty yêu cầu.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 những nội dung sau:

- Thông qua các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo thông tin chi tiết nêu tại Mục 1 Tờ trình này.



- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đáp ứng các tiêu chí nêu tại Mục 1 Tờ trình này và giao cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng/thỏa thuận cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được Hội đồng quản trị lựa chọn để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty.
- Thông qua việc giao Ban Kiểm soát thực hiện giám sát chất lượng cuộc kiểm toán và thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập được chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Ban tổ chức Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Cao Thu Hiền



Số: 07 /2025/TTr-HĐQT

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi tên Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2025 của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về việc đổi tên thành “Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm DBV”, cùng ngày Tổng Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị đổi tên lên Bộ Tài chính. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cụ thể: Đề nghị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không rà soát lại tên mới của doanh nghiệp trong văn bản đề nghị đổi tên và văn bản của cấp có thẩm quyền (Nghị quyết của ĐHĐCĐ) để đáp ứng yêu cầu của Luật doanh nghiệp hiện hành, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án thay đổi tên của Tổng công ty như sau:

1. Thay đổi tên Tổng công ty, cụ thể như sau:

a. Tên hiện tại:

- Tên tiếng Việt: Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
- Tên tiếng Anh: Vietnam National Aviation Insurance Corporation
- Tên giao dịch: Bảo hiểm Hàng không
- Tên viết tắt: VNI

b. Tên sau thay đổi:

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV
- Tên tiếng Anh: DBV Insurance Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch tiếng Việt: Tập đoàn Bảo hiểm DBV
- Tên giao dịch tiếng Anh: DBV Insurance Group
- Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm DBV
- Tên viết tắt tiếng Anh: DBV Insurance

Tên của Tổng công ty sau thay đổi có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Thay đổi tên các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty theo thông tin chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Theo đó, tên của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty sau thay đổi có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.



3. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty tổ chức triển khai, tự mình hoặc phân công cán bộ thực hiện thủ tục thay đổi tên Tổng công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối tên sau thay đổi của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc theo thông tin nêu tại Mục 1 và 2 Tờ trình này, ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định việc thay đổi tên Tổng công ty, tên của các đơn vị trực thuộc và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

"Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng"

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng



PHỤ LỤC

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty

(Đính kèm Tờ trình số /TT-BHHK ngày 31/3/2025 của HĐQT)

STT	Tên đơn vị hiện tại	Số giấy phép	Tên đơn vị sau thay đổi	Tên viết tắt của đơn vị sau thay đổi
1	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Sở Giao dịch 2	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sở giao dịch 2	DBV Sở giao dịch 2
2	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bến Thành	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bến Thành	DBV Bến Thành
3	Công ty Bảo hiểm Hàng không Gia Định	49/GPĐC29/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sài Thành	DBV Sài Thành
4	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh	49/GPĐC1/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	DBV Hồ Chí Minh
5	Công ty Bảo hiểm Hàng không Kỹ thuật số	49/GPĐC41/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Kỹ thuật số	DBV Kỹ thuật số
6	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	CV 70999/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	DBV Phú Mỹ Hưng
7	Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn	49/GPĐC16/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Sài Gòn	DBV Nam Sài Gòn
8	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tân Sơn Nhất	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tân Sơn Nhất	DBV Tân Sơn Nhất
9	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành Đô	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đồng Khởi	DBV Đồng Khởi
10	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Thủ Đức	CV 70999/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thủ Đức	DBV Thủ Đức
11	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Sở Giao dịch	49/GPĐC14/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sở giao dịch	DBV Sở giao dịch
12	Công ty Bảo hiểm Hàng không Âu Lạc	49/GPĐC30/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thành An	DBV Thành An
13	Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô	49/GPĐC11/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đông Đô	DBV Đông Đô
14	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đại An	DBV Đại An
15	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Thành	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hà Thành	DBV Hà Thành

PHỤ LỤC

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty

(Đính kèm Tờ trình số /TT-BHHK ngày 31/3/2025 của HĐQT)

16	Công ty Bảo hiểm Hàng không Kinh Đô	49/GPĐC31/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Kinh Đô	DBV Kinh Đô
17	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long	49/GPĐC7/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Việt	DBV Nam Việt
18	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thủ Đô	49/GPĐC20/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thủ đô	DBV Thủ đô
19	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tràng An	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tràng An	DBV Tràng An
20	Công ty Bảo hiểm Hàng không Vạn Xuân	49/GPĐC31/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Vạn Xuân	DBV Vạn Xuân
21	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang	49/GPĐC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Giang	DBV Bắc Giang
22	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Ninh	49/GPĐC39/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Ninh	DBV Bắc Ninh
23	Công ty Bảo hiểm Hàng không Duyên Hải	49/GPĐC27/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Duyên Hải	DBV Duyên Hải
24	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Tuyên	49/GPĐC32/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hà Tuyên	DBV Hà Tuyên
25	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương	49/GPĐC3/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hải Hưng	DBV Hải Hưng
26	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hải Thành	DBV Hải Thành
27	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Định	49/GPĐC35/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Định	DBV Nam Định
28	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà	49/GPĐC6/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Hồng Hà	DBV Nam Hồng Hà
29	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	DBV Bắc Trung Bộ

PHỤ LỤC

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty

(Đính kèm Tờ trình số /TTY-BHHK ngày 31/3/2025 của HĐQT)

30	Công ty Bảo hiểm Hàng không Phú Thọ	49/GPDC36/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Văn Lang	DBV Văn Lang
31	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh	49/GPDC10/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đông Bắc	DBV Đông Bắc
32	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Bắc	49/GPDC24/KDBH CV đổi tên số 2128/BTC- BLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tây Bắc	DBV Tây Bắc
33	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thái Nguyên	49/GPDC40/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thái Nguyên	DBV Thái Nguyên
34	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa	49/GPDC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thanh Hóa	DBV Thanh Hóa
35	Công ty Bảo hiểm Hàng không Vinh Phúc	49/GPDC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Vinh Phúc	DBV Vinh Phúc
36	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Dương	49/GPDC28/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Dương	DBV Bình Dương
37	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Phước	49/GPDC41/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Phước	DBV Bình Phước
38	Công ty Bảo hiểm Hàng không Đồng Nam Bộ	49/GPDC14/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đồng Nam Bộ	DBV Đồng Nam Bộ
39	Công ty Bảo hiểm Hàng không Long An	49/GPDC23/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Long An	DBV Long An
40	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Nam Bình Dương	CV 7099/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Bình Dương	DBV Nam Bình Dương
41	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Phương Nam	CV 7099/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Phương Nam	DBV Phương Nam
42	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nam Bộ	49/GPDC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tây Nam Bộ	DBV Tây Nam Bộ
43	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tiền Giang	49/GPDC38/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sông Tiền	DBV Sông Tiền
44	Công ty Bảo hiểm Hàng không Vũng Tàu	49/GPDC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Vũng Tàu	DBV Vũng Tàu



PHỤ LỤC

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty

(Đính kèm Tờ trình số /TT-BHHK ngày 31/3/2025 của HĐQT)

45	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định	49/GPDC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Định	DBV Bình Định
46	Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng	49/GPDC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đà Nẵng	DBV Đà Nẵng
47	Công ty Bảo hiểm Hàng không Huế	49/GPDC26/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Huế	DBV Huế
48	Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa	49/GPDC17/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Khánh Hòa	DBV Khánh Hòa
49	Công ty Bảo hiểm Hàng không Lâm Đồng	49/GPDC34/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Lâm Đồng	DBV Lâm Đồng
50	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên	49/GPDC17/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Tây Nguyên	DBV Nam Tây Nguyên
51	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình	49/GPDC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Trị Thiên	DBV Bình Trị Thiên
52	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Nam	49/GPDC39/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Quảng Nam	DBV Quảng Nam
53	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi	49/GPDC19/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Quảng Ngãi	DBV Quảng Ngãi
54	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên	49/GPDC5/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Tây Nguyên	DBV Bắc Tây Nguyên
55	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Nam Sông Hậu	CV 12480/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Sông Hậu	DBV Nam Sông Hậu
56	Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Bắc	CV 5622/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Bắc	VPDD-CSKH & giám định xe cơ giới miền Bắc
57	Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Nam	CV 5622/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Nam	VPDD-CSKH & giám định xe cơ giới miền Nam
58	Văn phòng đại diện miền Nam	49/GPDDC33/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Văn phòng đại diện miền Nam	VPDD miền Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /2025/TTr-HĐQT

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa Điều lệ Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tiếp theo nội dung của Tờ trình số /TTr-BHHC ngày 31/3/2025, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty cho phù hợp với tên của Tổng công ty sau thay đổi theo thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty có hiệu lực kể từ ngày tên mới của Tổng công ty được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty thực hiện rà soát, hoàn thiện Điều lệ sửa đổi cho phù hợp với tên mới của Tổng công ty sau thay đổi và ký ban hành Điều lệ.

3. Trong trường hợp HĐQT quyết định việc thay đổi tên theo nội dung ủy quyền của ĐHCĐ tại Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày 31/03/2025, ĐHCĐ thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Điều lệ.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

"Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng."

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Dũng

PHỤ LỤC

(Đính kèm Tờ trình số /TTr-BHHK ngày 31/3/2025 của Hội đồng quản trị)

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Nội dung hiện tại	Nội dung sau thay đổi
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
PHẦN MỞ ĐẦU	
Chúng tôi, những cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 06 tháng 9 năm 2024 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành Điều lệ này với các nội dung sau:	Chúng tôi, những cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 04 năm 2025 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành Điều lệ này với các nội dung sau:
CHƯƠNG I. CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) “Tổng Công ty” là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

49 -
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
HÀNG KHÔNG
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
HÀNG KHÔNG

Nội dung hiện tại	Nội dung sau thay đổi
<p>1. Tên Tổng Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên giao dịch tiếng Việt: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam National Aviation Insurance Corporation - Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm Hàng không - Tên viết tắt tiếng Anh: VNI [...] <p>3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:</p> <p>[...]</p> <ul style="list-style-type: none"> - E-mail: contact@bhhk.com.vn - Website: www.bhhk.com.vn 	<p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Tên tiếng Anh: DBV Insurance Group Joint Stock Company - Tên giao dịch tiếng Việt: Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Tên giao dịch tiếng Anh: DBV Insurance Group - Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm DBV - Tên viết tắt tiếng Anh: DBV Insurance [...] <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>[...]</p> <ul style="list-style-type: none"> - E-mail: Info@dbvi.com.vn - Website: dbvi.com.vn
<p>CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhất trí thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2024. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2024.</p>	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2025. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về việc thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2024.</p>
<p>SỬA ĐỔI CÁC NỘI DUNG KHÁC</p>	<p>(i) Sửa đổi toàn bộ cụm từ “Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không” hoặc “Tổng công ty” thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV” hoặc “Công ty” theo từng ngữ cảnh trong Điều lệ và (ii) sửa đổi câu từ tại Điều lệ cho phù hợp với tên sau thay đổi của Công ty.</p>



[Handwritten signature]

Số: 09/2025/TT-HĐQT

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT;
Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động hiện hành của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không;
- Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không;
- Xét nhu cầu và tình hình hoạt động quản trị thực tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không,

Cùng với sự phát triển và mở rộng không ngừng của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không, nhằm bảo đảm việc quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh được kịp thời, hiệu quả, HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy chế của Tổng công ty, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty, cụ thể:

TÊN ĐIỀU	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
1. ĐỐI VỚI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Điều 6	Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...] i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn	Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...] i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi đại	Bổ sung để có căn cứ xác định thẩm quyền bầu Phó chủ tịch HĐQT, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

<p>nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>diện theo pháp luật không làm thay đổi Điều lệ Tổng công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện quản lý phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc tham gia họp Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	
--	--	--

2. ĐỐI VỚI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

<p>Điều 1</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không được xây dựng theo quy định của: a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; b. Luật kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09/12/2000 và các</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không được xây dựng theo quy định của: a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành; b. Luật kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; c. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành; d. Điều lệ tổ chức và hoạt động của</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.</p>
----------------------	--	--	--



M

<p>văn bản sửa đổi bổ sung;</p> <p>c. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>d. Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;</p> <p>e. Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi bổ sung;</p> <p>f. Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>g. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.</p>	<p>Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.</p>
--	--



 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Handwritten signature

<p>Điều 35</p>	<p>Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do HĐQT quy định.</p>	<p>Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác Theo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và hoặc theo đề nghị của Tổng giám đốc, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do HĐQT quy định.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu quản trị của Tổng công ty</p>
-----------------------	---	--	--

2. Đồng thời, kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực sửa đổi, hoàn thiện và ký ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cho phù hợp với tên mới của Tổng công ty theo nội dung tại Trình số /TTr-BHKK ngày 31/3/2025 của Hội đồng quản trị sau khi tên mới được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.”

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

Số: 10 /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

v/v đề nghị bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

Căn cứ Quy chế hoạt động hiện hành của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

Hiện nay, Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 04 người bao gồm: Ông Lê Tuấn Dũng, Bà Nguyễn Diệu Trinh, Ông Nghiêm Xuân Thái và Ông Kim Jong Uk.

Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu quản trị của Tổng Công ty, phù hợp với định hướng và vị thế thị trường của VNI trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Thông qua việc bầu bổ sung thêm/thay thế thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng”

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKPC.



Số: /2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/04/2025 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 03/2025/BC-HĐQT ngày 31/3/2025 về Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 04/2025/BC-HĐQT ngày 31/3/2025 về Kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Điều 3: Thông qua Báo cáo số 01/2025/BC-BKS ngày 31/3/2025 về Hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 02/2025/TTr-BKS ngày 31/3/2025 về việc Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán năm 2025.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 05/2025/TTr-HĐQT ngày 31/3/2025 về Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ tài chính năm 2024.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT ngày 31/3/2025 về thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT ngày 31/3/2025 về việc Sửa đổi điều lệ Tổng công ty.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 09/2025/TTr-HĐQT ngày 31/3/2025 về việc Sửa đổi quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 10: Thông qua Tờ trình số 10/2025/TTr-HĐQT ngày 31/3/2025 về việc Bầu bổ sung/thay thế thành viên HĐQT

Điều 11: Thông qua kết quả và công nhận ứng viên sau đây trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028:

- Ông/Bà.....



Điều 12: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông VNI;
- Như Điều 6;
- Lưu VT, Ban TKPC.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Lê Tuấn Dũng

Số: /2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 28/04/2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (“Tổng công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2025 của Tổng công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi tên của Tổng công ty và tên các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty, cụ thể:

1. Thay đổi tên Tổng công ty như sau:

a. Tên hiện tại:

- Tên tiếng Việt: Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
- Tên tiếng Anh: Vietnam National Aviation Insurance Corporation
- Tên giao dịch: Bảo hiểm Hàng không
- Tên viết tắt: VNI

b. Tên sau thay đổi:

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV
- Tên tiếng Anh: DBV Insurance Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch tiếng Việt: Tập đoàn Bảo hiểm DBV
- Tên giao dịch tiếng Anh: DBV Insurance Group
- Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm DBV
- Tên viết tắt tiếng Anh: DBV Insurance

Tên của Tổng công ty sau thay đổi có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

2. Thay đổi tên các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty theo thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này.

Tên của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty sau thay đổi có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

3. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty tổ chức triển khai, tự mình hoặc phân công cán bộ thực hiện thủ tục thay đổi tên Tổng công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối tên sau thay đổi của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc theo thông tin nêu tại Khoản 1 và 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định việc thay đổi tên Tổng công ty, tên của các đơn vị trực thuộc và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty, cụ thể:

1. Sửa đổi Điều lệ Tổng công ty cho phù hợp với tên của Tổng công ty sau thay đổi theo thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 02 đính kèm Nghị quyết này.

Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty có hiệu lực kể từ ngày tên mới của Tổng công ty được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty thực hiện rà soát, hoàn thiện Điều lệ sửa đổi cho phù hợp với tên mới của Tổng công ty sau thay đổi và ký ban hành Điều lệ.

3. Trong trường hợp HĐQT quyết định việc thay đổi tên Tổng công ty theo nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2025, ĐHĐCĐ thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Điều lệ.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

“Tài liệu này được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh. Nếu có sự khác nhau trong cách hiểu và nội dung của mỗi phiên bản, bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.”

Nơi nhận:

- Cổ đông VNI;
- Như Điều 4;
- Lưu VT, Ban TKPC.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa Đại hội

Lê Tuấn Dũng

PHỤ LỤC 01

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty

(Đính kèm Nghị quyết số /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025 của ĐHĐCĐ)

STT	Tên đơn vị hiện tại	Số giấy phép	Tên đơn vị sau thay đổi	Tên viết tắt của đơn vị sau thay đổi
1	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Sở Giao dịch 2	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sở giao dịch 2	DBV Sở giao dịch 2
2	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bến Thành	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bến Thành	DBV Bến Thành
3	Công ty Bảo hiểm Hàng không Gia Định	49/GPĐC29/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sài Thành	DBV Sài Thành
4	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh	49/GPĐC1/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	DBV Hồ Chí Minh
5	Công ty Bảo hiểm Hàng không Kỹ thuật số	49/GPĐC41/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Kỹ thuật số	DBV Kỹ thuật số
6	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	CV 7099/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	DBV Phú Mỹ Hưng
7	Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn	49/GPĐC16/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Sài Gòn	DBV Nam Sài Gòn
8	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tân Sơn Nhất	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tân Sơn Nhất	DBV Tân Sơn Nhất
9	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành Đô	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đồng Khởi	DBV Đồng Khởi
10	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Thủ Đức	CV 7099/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thủ Đức	DBV Thủ Đức
11	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Sở Giao dịch	49/GPĐC14/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sở giao dịch	DBV Sở giao dịch
12	Công ty Bảo hiểm Hàng không Âu Lạc	49/GPĐC30/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thành An	DBV Thành An
13	Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô	49/GPĐC11/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đông Đô	DBV Đông Đô
14	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đại An	DBV Đại An
15	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Thành	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hà Thành	DBV Hà Thành
16	Công ty Bảo hiểm Hàng không Kinh Đô	49/GPĐC31/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Kinh Đô	DBV Kinh Đô
17	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long	49/GPĐC7/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Việt	DBV Nam Việt

PHỤ LỤC 01

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty

(Đính kèm Nghị quyết số /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025 của ĐHĐCĐ)

18	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thủ Đức	49/GPĐC20/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thủ Đức	DBV Thủ Đức
19	Công ty Bảo hiểm Hàng không Trảng An	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Trảng An	DBV Trảng An
20	Công ty Bảo hiểm Hàng không Vạn Xuân	49/GPĐC31/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Vạn Xuân	DBV Vạn Xuân
21	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang	49/GPĐC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Giang	DBV Bắc Giang
22	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Ninh	49/GPĐC39/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Ninh	DBV Bắc Ninh
23	Công ty Bảo hiểm Hàng không Duyên Hải	49/GPĐC27/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Duyên Hải	DBV Duyên Hải
24	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Tuyên	49/GPĐC32/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hà Tuyên	DBV Hà Tuyên
25	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương	49/GPĐC3/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hải Hưng	DBV Hải Hưng
26	Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Hải Thành	DBV Hải Thành
27	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Định	49/GPĐC35/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Định	DBV Nam Định
28	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà	49/GPĐC6/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Hồng Hà	DBV Nam Hồng Hà
29	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	DBV Bắc Trung Bộ
30	Công ty Bảo hiểm Hàng không Phú Thọ	49/GPĐC36/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Văn Lang	DBV Văn Lang
31	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh	49/GPĐC10/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đông Bắc	DBV Đông Bắc
32	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Bắc	49/GPĐC24/KDBH CV đổi tên số 2128/BTC- BLB	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tây Bắc	DBV Tây Bắc

PHỤ LỤC 01

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
(Đính kèm Nghị quyết số /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025 của ĐHĐCĐ)

33	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thái Nguyên	49/GPĐC40/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thái Nguyên	DBV Thái Nguyên
34	Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa	49/GPĐC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Thanh Hóa	DBV Thanh Hóa
35	Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc	49/GPĐC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Vĩnh Phúc	DBV Vĩnh Phúc
36	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Dương	49/GPĐC28/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Dương	DBV Bình Dương
37	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Phước	49/GPĐC41/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Phước	DBV Bình Phước
38	Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ	49/GPĐC14/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đông Nam Bộ	DBV Đông Nam Bộ
39	Công ty Bảo hiểm Hàng không Long An	49/GPĐC23/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Long An	DBV Long An
40	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Nam Bình Dương	CV 7099/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Bình Dương	DBV Nam Bình Dương
41	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Phương Nam	CV 7099/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Phương Nam	DBV Phương Nam
42	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nam Bộ	49/GPĐC22/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Tây Nam Bộ	DBV Tây Nam Bộ
43	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tiền Giang	49/GPĐC38/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sông Tiền	DBV Sông Tiền
44	Công ty Bảo hiểm Hàng không Vũng Tàu	49/GPĐC25/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Vũng Tàu	DBV Vũng Tàu
45	Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định	49/GPĐC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Định	DBV Bình Định
46	Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng	49/GPĐC2/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Đà Nẵng	DBV Đà Nẵng
47	Công ty Bảo hiểm Hàng không Huế	49/GPĐC26/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Huế	DBV Huế
48	Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa	49/GPĐC17/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Khánh Hòa	DBV Khánh Hòa
49	Công ty Bảo hiểm Hàng không Lâm Đồng	49/GPĐC34/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Lâm Đồng	DBV Lâm Đồng

PHỤ LỤC 01

V/v: Thay đổi tên đơn vị trực thuộc Tổng Công ty
(Đính kèm Nghị quyết số /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025 của ĐHĐCĐ)

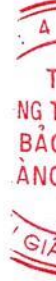
50	Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên	49/GPĐC17/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Tây Nguyên	DBV Nam Tây Nguyên
51	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình	49/GPĐC12/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bình Trị Thiên	DBV Bình Trị Thiên
52	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Nam	49/GPĐC39/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Quảng Nam	DBV Quảng Nam
53	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi	49/GPĐC19/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Quảng Ngãi	DBV Quảng Ngãi
54	Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên	49/GPĐC5/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Bắc Tây Nguyên	DBV Bắc Tây Nguyên
55	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm hàng không - Chi nhánh Nam Sông Hậu	CV 12480/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Nam Sông Hậu	DBV Nam Sông Hậu
56	Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Bắc	CV 5622/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Bắc	VPĐD-CSKH & giám định xe cơ giới miền Bắc
57	Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Nam	CV 5622/BTC-QLBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng và giám định xe cơ giới miền Nam	VPĐD-CSKH & giám định xe cơ giới miền Nam
58	Văn phòng đại diện miền Nam	49/GPDDC33/KDBH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Văn phòng đại diện miền Nam	VPĐD miền Nam

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm Nghị quyết số /2025/NQ-ĐHDCD ngày /2025 của Đại hội đồng cổ đông)

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi
<p>ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG</p> <p>TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG</p> <p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Chúng tôi, những cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 06 tháng 9 năm 2024 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành Điều lệ này với các nội dung sau:</p>	<p>ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV</p> <p>Chúng tôi, những cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 04 năm 2025 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành Điều lệ này với các nội dung sau:</p>
<p>CHƯƠNG I. CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “Tổng Công ty” là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không</p> <p>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty</p> <p>1. Tên Tổng Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên giao dịch tiếng Việt: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam National Aviation Insurance Corporation - Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm Hàng không - Tên viết tắt tiếng Anh: VNI <p>3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty: [...]</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV</p> <p>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Tên tiếng Anh: DBV Insurance Group Joint Stock Company - Tên giao dịch tiếng Việt: Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Tên giao dịch tiếng Anh: DBV Insurance Group - Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm DBV - Tên viết tắt tiếng Anh: DBV Insurance <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty: [...]</p>



Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi
<p>- E-mail: contact@bhhk.com.vn - Website: www.bhhk.com.vn</p>	<p>[...] - E-mail: info@dbvi.com.vn - Website: dbvi.com.vn</p>
CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC	
<p>Điều 54. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhất trí thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2024. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2024.</p>	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2025. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về việc thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2024.</p>
SỬA ĐỔI CÁC NỘI DUNG KHÁC	
	<p>(i) Sửa đổi toàn bộ cụm từ “Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không” hoặc “Tổng công ty” thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV” hoặc “Công ty” theo từng ngữ cảnh trong Điều lệ và (ii) sửa đổi câu từ tại Điều lệ cho phù hợp với tên mới của Công ty sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.</p>

Y-
K
H
Y
C
M
9



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trụ sở: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6276 5555 - Fax: (024) 6276 5556

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã số:

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG:

CP

*Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
năm 2025*



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trụ sở: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6276 5555 - Fax: (024) 6276 5556

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Dùng cho Cổ đông/đại diện cổ đông có mặt trực tiếp
Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

Tên cổ đông/Đại diện cổ đông:

Mã số phiếu:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

Biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (“VNI”, “Tổng công ty”) như sau:

CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025			
2	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025			
3	Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025			
4	Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán 2024			
5	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024			
6	Thông qua phương án thù lao HĐQT và BKS năm 2025			
7	Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán năm 2025			
8	Thông qua thay đổi tên Tổng công ty			
9	Thông qua việc sửa điều lệ Tổng công ty			
10	Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty			

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”.
- Phiếu hợp lệ là phiếu có trả lời cụ thể theo các lựa chọn trên.
- Phiếu không hợp lệ là:
 - + Phiếu Biểu Quyết không phải do Ban Tổ chức phát hành;
 - + Phiếu Biểu Quyết không có dấu đỏ của Tổng công ty;
 - + Phiếu Biểu Quyết không điền ô nào hoặc điền từ 2 ô trở lên cho mỗi một nội dung cần biểu quyết;
 - + Phiếu Biểu Quyết bị tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn;
 - + Phiếu Biểu Quyết rách rời không còn nguyên vẹn, không có chữ ký xác nhận.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Cổ đông/Người nhận ủy quyền
(ký và ghi rõ họ tên)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trụ sở: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6276 5555 - Fax: (024) 6276 5556

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NIÊN 2025 PHIẾU BẦU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thông tin cổ đông tham gia bầu cử

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG:

MÃ SỐ PHIẾU:

TỔNG SỐ CỔ PHẦN:

TỔNG SỐ PHIẾU BẦU= (*) x SL ứng viên =:

2. Phân bầu cử:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	NGUYỄN VĂN A	
2	TRẦN THỊ B	

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho ứng viên có tên trong danh sách. Phần phiếu bầu còn lại (nếu có) có thể không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không quá tổng số phiếu bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

- Số lượng phiếu bầu của mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó./.

4. Xác định tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử hợp lệ phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Phiếu do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (theo mẫu do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không quy định và có đóng dấu treo của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không).

- Phiếu **không** được tẩy xóa, cạo sửa tên của ứng viên;

- Các thông tin trên Phiếu **không** được ghi bằng bút chì;

- Phiếu **không** ghi thêm tên ứng viên nằm ngoài Danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên **không** vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;

- Phiếu có chữ ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.

Cổ đông/Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 44



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tuấn Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2024)
Bà Lê Thị Hà Thanh	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024, miễn nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2024)
	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Nghiêm Xuân Thái	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Kim Jong Uk	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024, bổ nhiệm lại ngày 06 tháng 9 năm 2024)
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2024)
Ông Trần Sỹ Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nghiêm Xuân Thái	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024)
	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành (từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thành Quang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2024)
Ông Phạm Huy Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2024)
Bà Tào Thị Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hồng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thu Hiền	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Park Han Woong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Ông Ngô Hồng Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025



Số: 0924/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

A blue ink signature of Phạm Huy Bắc.

Phạm Huy Bắc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5197-2021-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		4.840.900.856.509	3.756.411.201.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	258.225.643.573	199.243.849.337
1. Tiền	111		258.225.643.573	179.243.849.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.544.408.470.667	1.306.731.045.131
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.545.402.807.169	1.309.402.807.169
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(994.336.502)	(2.671.762.038)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		630.767.817.796	1.334.943.366.501
1. Phải thu của khách hàng	131	6	539.679.699.361	1.295.576.733.107
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		499.080.866.740	453.206.453.346
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		40.598.832.621	842.370.279.761
2. Trả trước cho người bán	132		51.066.086.045	9.440.283.712
3. Các khoản phải thu khác	135	7	81.676.946.161	70.077.732.769
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(41.654.913.771)	(40.151.383.087)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		116.992.327.855	75.864.329.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	104.099.649.464	70.485.299.176
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		87.328.824.876	66.244.877.664
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		16.770.824.588	4.240.421.512
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.892.678.391	5.379.030.033
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	16	1.290.506.596.618	839.628.611.271
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		511.193.292.062	586.135.587.024
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		779.313.304.556	253.493.024.247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		273.970.939.894	251.151.046.082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.591.266.363	13.553.732.910
1. Phải thu dài hạn khác	218		15.591.266.363	13.553.732.910
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7.000.000.000	7.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		8.591.266.363	6.553.732.910
II. Tài sản cố định	220		4.610.507.686	6.143.983.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.268.509.978	3.298.204.287
- Nguyên giá	222		13.094.832.875	12.835.935.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.826.322.897)	(9.537.731.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.341.997.708	2.845.779.255
- Nguyên giá	228		7.171.964.959	6.354.224.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.829.967.251)	(3.508.445.704)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	171.990.000.000	201.990.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		171.990.000.000	201.990.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		81.779.165.845	29.463.329.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	81.779.165.845	29.463.329.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.114.871.796.403	4.007.562.247.531

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.006.799.207.420	2.910.630.038.329
I. Nợ ngắn hạn	310		3.976.698.295.868	2.891.491.225.654
1. Vay ngắn hạn	311	12	200.000.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		687.688.111.945	619.701.241.776
2.1. <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	312.1	13	646.661.465.894	606.186.938.680
2.2. <i>Phải trả khác cho người bán</i>	312.2		41.026.646.051	13.514.303.096
3. Người mua trả tiền trước	313		114.315.710.008	89.316.868.367
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	21.170.310.060	18.263.997.164
5. Phải trả người lao động	315		95.321.679.799	74.069.079.461
6. Chi phí phải trả	316		1.335.890.110	832.675.473
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	20.422.596.108	10.917.700.306
8. Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng	319.1	15	92.703.862.451	149.033.442.672
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.077.112.158	687.869.895
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	16	2.742.663.023.229	1.928.668.350.540
10.1. <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.1		1.507.239.388.714	1.343.339.376.493
10.2. <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2		1.121.291.354.972	466.673.061.163
10.3. <i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3		114.132.279.543	118.655.912.884
II. Nợ dài hạn	330		30.100.911.552	19.138.812.675
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		30.099.911.552	19.137.812.675
2. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000	1.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.108.072.588.983	1.096.932.209.202
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.108.072.588.983	1.096.932.209.202
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		15.916.598.041	15.339.966.939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.155.990.942	81.592.242.263
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.114.871.796.403	4.007.562.247.531

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	223.320.419.099	76.582.836.066
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.902.654.577	4.902.654.577
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	4.594.057,27	707,17
Euro	EUR	31,10	31,04



Trần Phương Anh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	
		Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	2.356.140.451.956	1.988.359.722.393
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	149.744.852.235	185.924.940.807
3. Thu nhập khác	13	1.022.802.482	885.973.319
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	2.173.530.762.957	1.855.165.917.069
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	3.708.978.574	312.779.009
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	312.787.731.772	284.200.139.529
7. Chi phí khác	24	1.363.921.134	2.495.779.493
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	15.516.712.236	32.996.021.419
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.984.090.192	8.372.608.511
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	11.532.622.044	24.623.412.908
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	115	242

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1 + 01.2 - 01.3)	01	18	2.794.191.068.906	2.504.223.599.387
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		2.894.894.387.944	2.547.249.762.794
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		63.196.693.183	57.008.558.054
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		163.900.012.221	100.034.721.461
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1 - 02.2)	02	19	1.085.396.710.213	991.024.345.024
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.010.454.415.251	1.152.343.587.986
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(74.942.294.962)	161.319.242.962
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		1.708.794.358.693	1.513.199.254.363
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		647.346.093.263	475.160.468.030
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	20	236.186.954.051	241.089.770.218
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		411.159.139.212	234.070.697.812
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		2.356.140.451.956	1.988.359.722.393
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		1.048.561.742.896	1.107.897.692.063
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.053.524.236.657	1.114.517.948.784
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		4.962.493.761	6.620.256.721
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		383.926.644.837	431.392.385.051
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		654.618.293.809	(171.617.073.403)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		525.820.280.309	(61.549.923.405)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	21	793.433.111.559	566.438.157.014
11. (Giảm)/Tăng dự phòng dao động lớn	16		(4.523.633.341)	14.519.139.393
<i>Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn</i>			<i>24.000.000.000</i>	<i>-</i>
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	22	1.384.621.284.739	1.274.208.620.662
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		152.924.187.273	112.005.994.603
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		1.231.697.097.466	1.162.202.626.059
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		2.173.530.762.957	1.855.165.917.069
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		182.609.688.999	133.193.805.324

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	149.744.852.235	185.924.940.807
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	3.708.978.574	312.779.009
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		146.035.873.661	185.612.161.798
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	312.787.731.772	284.200.139.529
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		15.857.830.888	34.605.827.593
20. Thu nhập khác	31		1.022.802.482	885.973.319
21. Chi phí khác	32		1.363.921.134	2.495.779.493
22. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(341.118.652)	(1.609.806.174)
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.516.712.236	32.996.021.419
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.984.090.192	8.372.608.511
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.532.622.044	24.623.412.908
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	115	242

Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.325.770.534.659	2.970.452.089.090
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.635.902.453.471)	(2.552.616.892.228)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(387.957.130.998)	(316.194.488.261)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(536.782.053)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.125.960.719)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	60.033.830.874	367.541.824.367
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(224.934.912.898)	(153.503.314.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	133.347.125.394	315.679.218.148
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(323.197.396)	(587.475.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.059.000.000.000)	(2.090.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	1.864.000.000.000	1.059.000.000.000
5. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	801.770.047.960	389.075.962.000
6. Tiền thu từ lãi tiền gửi, tiền vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	118.851.621.249	75.499.244.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(274.695.073.642)	(567.012.268.059)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	200.000.000.000	-
2. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.624.915)	(39.207.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	199.991.375.085	(39.207.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	58.643.426.837	(251.372.257.035)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	199.243.849.337	450.501.664.604
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	338.367.399	114.441.768
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	258.225.643.573	199.243.849.337

Trần Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không, được thành lập và hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy phép kinh doanh số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 4 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 49/GPĐC42/KDBH ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Tổng Công ty là DB Insurance Co., Ltd (gọi tắt là "DB Insurance"), sở hữu 75% vốn của Tổng Công ty.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC15/KDBH, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.770 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.697 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

- Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm gốc;
- Kinh doanh tái bảo hiểm; và
- Hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 03 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội và 58 đơn vị thành viên trực thuộc gồm 55 công ty thành viên trực thuộc và 03 văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Với các khoản chứng khoán, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm phương pháp giá thị trường.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư sau khi điều chỉnh lại theo chính sách kế toán của Tổng Công ty (nếu có) và các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước được xác định bằng giá trị ghi sổ do thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán, giấy phép/chứng nhận bản quyền phần mềm, phần mềm quản lý (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí kinh doanh chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí hoa hồng và kinh doanh chờ phân bổ của nghiệp vụ bảo hiểm được phân bổ tương ứng phần doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính.

Chính sách kế toán đối với các chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần “Ghi nhận chi phí”.

Các khoản chi phí trả trước khác là chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các phí dịch vụ trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp tỷ lệ và phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trong năm, Tổng Công ty đã thay đổi ước tính kế toán, cụ thể đã thực hiện phân bổ chi phí thẩm định đánh giá khách hàng liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác bảo hiểm cho phù hợp với thực tế doanh thu phí bảo hiểm phát sinh hàng năm có được từ các dịch vụ thẩm định này thay vì ghi nhận toàn bộ vào chi phí phát sinh trong năm như những năm trước. Việc thay đổi ước tính kế toán đã ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính so với các năm trước:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số tiền tăng/(giảm)</u>
	VND
Chi phí kinh doanh bảo hiểm	(52.143.648.846)
Lợi nhuận trước thuế	52.143.648.846
Chi phí trả trước	52.143.648.846

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) và các Công văn phê duyệt số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018, số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 02 năm 2022 và số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí

Dự phòng phí được Tổng Công ty trích lập theo hệ số thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm, cụ thể như sau:
 - Đối với bảo hiểm hàng hóa, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí bảo hiểm gốc, nhận tái và nhượng tái; và
 - Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí bảo hiểm gốc, nhận tái và nhượng tái.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư 67, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe sinh mạng và thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thời hạn trên 1 năm, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phí bảo hiểm thuần trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe khác có thời hạn trên 1 năm, dự phòng phí được áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm gốc, nhận tái và nhượng tái.



Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (“IBNR”), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Tổng Công ty đã thay đổi phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo từ phương pháp theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm sang phương pháp trích lập dự phòng bồi thường dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Theo đó, việc thay đổi phương pháp trích lập đã làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, cụ thể:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số tiền tăng/(giảm)</u>
	VND
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(23.879.652.440)
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(3.564.824.650)
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(23.879.652.440)
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(3.564.824.650)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(20.314.827.790)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.314.827.790

Dự phòng đảm bảo cân đối: Được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ bằng 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu. Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- Hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn); và
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm trong đó thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm phát sinh. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa phát sinh hiệu lực tại ngày cuối năm tài chính được ghi nhận là “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng cho từng hợp đồng bảo hiểm và được kết chuyển vào doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần tại thời điểm cuối năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Đối với các hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định khoản chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các khoản chi phí hoa hồng và chi phí kinh doanh tương ứng với phần doanh thu chưa thực hiện, Tổng Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước và được phản ánh là “Chi phí trả trước dài hạn” trên Báo cáo tài chính. Khoản chi phí hoa hồng và chi phí kinh doanh này sẽ được ghi nhận là khoản chi phí phát sinh tương ứng với phần doanh thu chưa thực hiện từ các năm trước được ghi nhận trong năm nay.

Chi phí hỗ trợ đại lý bán hàng được ghi nhận tương ứng với phần phí bảo hiểm gốc ghi nhận trong năm. Phần hỗ trợ bán hàng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các năm tiếp theo.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	564.283.029	3.762.257.267
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	257.402.962.861	174.344.105.264
Tiền đang chuyển	258.397.683	1.137.486.806
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<u>258.225.643.573</u>	<u>199.243.849.337</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a) Chứng khoán kinh doanh	6.402.807.169	5.408.555.803	(994.336.502)	6.402.807.169
- Tổng giá trị cổ phiếu	6.402.807.169	5.408.555.803	(994.336.502)	6.402.807.169
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	6.402.315.705	5.407.979.203	(994.336.502)	6.402.315.705
+ Công ty Cổ phần FPT	491.464	576.600	-	491.464
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.709.000.000.000	2.709.000.000.000	-	1.503.000.000.000
Ngắn hạn	2.539.000.000.000	2.539.000.000.000	-	1.303.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.539.000.000.000	2.539.000.000.000	-	1.303.000.000.000
Dài hạn	170.000.000.000	170.000.000.000	-	200.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	170.000.000.000	170.000.000.000	-	200.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.990.000.000	1.990.000.000	-	1.990.000.000
+ Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	1.990.000.000	1.990.000.000	-	1.990.000.000

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất trong khoảng 4,1 – 8,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5,2 – 12,2%/năm). Trong đó, các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn với tổng giá trị là 370 tỷ VND được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng cho vay mức thấu chi của Tổng Công ty.

(ii) Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất 6,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6,4-8,3%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	140.561.966.210	169.217.801.331
+ Phải thu từ chủ hợp đồng	106.764.400.945	123.154.522.955
+ Phải thu từ đại lý, kênh khai thác khác	23.349.079.597	30.507.845.266
+ Phải thu từ doanh nghiệp bảo hiểm	10.448.485.668	15.555.433.110
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	11.913.462.640	20.225.542.976
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	343.786.364.931	260.808.265.508
Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1.084.861.984	2.138.023.347
Phải thu khác	1.734.210.975	816.820.184
	499.080.866.740	453.206.453.346
b) Phải thu khác của khách hàng		
Phải thu về đầu tư cổ phiếu	2.238.933.300	804.008.981.260
+ Phải thu cổ tức Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	2.238.933.300	2.238.933.300
+ Phải thu từ bán cổ phần Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - CTCP (i)	-	360.916.047.960
+ Phải thu từ bán cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ (i)	-	440.854.000.000
Phải thu trái phiếu Sông Đà Thăng Long	38.359.899.321	38.359.899.321
Phải thu khác của khách hàng	-	1.399.180
	40.598.832.621	842.370.279.761

- (i) Thể hiện các khoản phải thu từ việc thu hồi từ bán cổ phần đầu tư vào các đơn vị khác của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong năm 2024, Tổng Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản công nợ này.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	87.328.824.876	66.244.877.664
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.770.824.588	4.240.421.512
	104.099.649.464	70.485.299.176
b) Dài hạn		
Chi phí hoa hồng và kinh doanh chờ phân bổ (i)	68.993.975.294	21.737.435.934
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.938.547.822	4.345.617.582
Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	6.137.072.857	843.250.748
Chi phí trả trước dài hạn khác	709.569.872	2.537.025.366
	81.779.165.845	29.463.329.630

(i) Thể hiện khoản chi phí hoa hồng và chi phí kinh doanh phát sinh từ hoạt động khai thác các hợp đồng bảo hiểm. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí trong các năm kế tiếp tương ứng doanh thu phí bảo hiểm ghi nhận vào khoản mục doanh thu phí bảo hiểm trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	5.821.411.775	7.014.523.976	12.835.935.751
Mua sắm mới	-	323.197.124	323.197.124
Thanh lý, nhượng bán	-	(64.300.000)	(64.300.000)
Số dư cuối năm	5.821.411.775	7.273.421.100	13.094.832.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.413.620.713	5.124.110.751	9.537.731.464
Khấu hao trong năm	370.427.478	982.463.955	1.352.891.433
Thanh lý, nhượng bán	-	(64.300.000)	(64.300.000)
Số dư cuối năm	4.784.048.191	6.042.274.706	10.826.322.897
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	1.407.791.062	1.890.413.225	3.298.204.287
Tại ngày cuối năm	1.037.363.584	1.231.146.394	2.268.509.978

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 7.321.091.118 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.286.378.118 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	6.354.224.959	6.354.224.959
Mua sắm mới	817.740.000	817.740.000
Số dư cuối năm	<u>7.171.964.959</u>	<u>7.171.964.959</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	3.508.445.704	3.508.445.704
Khấu hao trong năm	1.321.521.547	1.321.521.547
Số dư cuối năm	<u>4.829.967.251</u>	<u>4.829.967.251</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	<u>2.845.779.255</u>	<u>2.845.779.255</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.341.997.708</u>	<u>2.341.997.708</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 661.309.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 575.000.000 VND).

12. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (i)	- 200.000.000.000		-	200.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	- 5.260.291.666	5.260.291.666		-
	<u>- 205.260.291.666</u>	<u>5.260.291.666</u>		<u>200.000.000.000</u>

(i) Thể hiện khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số VN124015296/WBVN102, ký ngày 22 tháng 11 năm 2024. Hợp đồng vay có hạn mức 200.000.000.000 VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay được quy định trong từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 12 tháng, lãi suất điều chỉnh theo từng lần vay. Các khoản vay được thế chấp bằng 370.000.000.000 VND tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

13. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	571.841.984.373	513.427.568.011
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	7.908.008.738	6.326.233.029
Phải trả bồi thường bảo hiểm	13.301.624.923	26.736.682.658
Phải trả hoa hồng, môi giới bảo hiểm	22.131.794.720	11.414.147.461
Phải trả chi phí dịch vụ khai thác bảo hiểm	29.067.966.053	38.500.788.551
Phải trả khác	2.410.087.087	9.781.518.970
	<u>646.661.465.894</u>	<u>606.186.938.680</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán nội địa	14.236.409.239	110.267.140.375	107.827.217.116	16.676.332.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.222.972.624	3.984.090.192	3.125.960.719	3.081.102.097
Thuế thu nhập cá nhân	1.426.022.971	11.611.577.146	11.626.270.065	1.411.330.052
Thuế, phí phải nộp khác	378.592.330	828.572.302	1.205.619.219	1.545.413
	18.263.997.164	126.691.380.015	123.785.067.119	21.170.310.060

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng		
Số dư đầu năm	149.033.442.672	133.239.429.733
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	86.477.926.076	146.622.934.532
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(142.807.506.297)	(130.828.921.593)
Số dư cuối năm	92.703.862.451	149.033.442.672
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
b) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.314.422.943	2.075.046.328
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	365.905.602	21.252.732
Phải trả về cổ tức	3.519.085.419	3.527.895.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.223.182.144	5.293.505.319
	20.422.596.108	10.917.700.306

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND
Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng phí chưa được hưởng				
1. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1.507.239.388.714	511.193.292.062	1.343.339.376.493	586.135.587.024
2. Dự phòng bồi thường	1.121.291.354.972	779.313.304.556	466.673.061.163	253.493.024.247
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.063.398.868.093	759.539.155.874	388.545.311.538	218.922.716.607
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	57.892.486.879	19.774.148.682	78.127.749.625	34.570.307.640
Cộng	2.628.530.743.686	1.290.506.596.618	1.810.012.437.656	839.628.611.271

Trong đó chi tiết:

	Năm nay		Năm trước	
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí bảo hiểm nhượng tái bảo hiểm VND
1. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học				
Số dư đầu năm	1.343.339.376.493	586.135.587.024	1.243.304.655.032	424.816.344.062
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	163.900.012.221	(74.942.294.962)	100.034.721.461	161.319.242.962
Số dư cuối năm	1.507.239.388.714	511.193.292.062	1.343.339.376.493	586.135.587.024

	Năm nay		Năm trước	
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm thuần	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm
	VND	VND	VND	VND
2. Dự phòng bồi thường				
Số dư đầu năm	466.673.061.163	253.493.024.247	213.180.036.916	323.247.186.914
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	654.618.293.809	525.820.280.309	128.798.013.500	(110.067.149.998)
Số dư cuối năm	1.121.291.354.972	779.313.304.556	341.978.050.416	213.180.036.916

Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối:

	Năm nay		Năm trước	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	118.655.912.884		104.136.773.491	
Số trích lập thêm trong năm	19.476.366.659		14.519.139.393	
Số sử dụng trong năm (*)	(24.000.000.000)		-	
Số dư cuối năm	114.132.279.543		118.655.912.884	

(*) Số dự Phòng dao động lớn sử dụng trong năm để bù đắp phần thiếu hụt của một số loại hình bảo hiểm có tổn thất thuộc phần trách nhiệm giữ lại lớn hơn phí giữ lại trừ (-) dự Phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Số dư đầu năm	1.000.000.000.000	14.108.796.294	58.920.334.944	1.073.029.131.238
Lợi nhuận trong năm	-	-	24.623.412.908	24.623.412.908
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1.231.170.645	(1.231.170.645)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(720.334.944)	(720.334.944)
Số dư cuối năm	1.000.000.000.000	15.339.966.939	81.592.242.263	1.096.932.209.202
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Số dư đầu năm	1.000.000.000.000	15.339.966.939	81.592.242.263	1.096.932.209.202
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.532.622.044	11.532.622.044
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	576.631.102	(576.631.102)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(392.242.263)	(392.242.263)
Số dư cuối năm	1.000.000.000.000	15.916.598.041	92.155.990.942	1.108.072.588.983

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ bằng 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 54, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

(ii) Tổng Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cụ thể như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Công ty DB Insurance Co., Ltd	750.000.000.000	75
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	115.500.000.000	12
Các cổ đông khác	134.500.000.000	13
	1.000.000.000.000	100

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được góp bởi các tổ chức và cá nhân với tỷ lệ sở hữu riêng lẻ không lớn hơn 5%/cổ đông.

18. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí bảo hiểm gốc	2.897.995.523.599	2.548.758.693.717
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	87.903.462.179	82.789.283.523
Bảo hiểm thân tàu và P&I	82.856.776.571	61.427.951.849
Bảo hiểm hàng hóa	100.802.495.999	71.188.790.389
Bảo hiểm con người	547.950.612.731	417.566.783.287
Bảo hiểm xe cơ giới	1.806.215.113.662	1.708.910.733.325
Bảo hiểm cháy	242.205.936.034	187.124.556.735
Bảo hiểm hàng không	63.130.275	(276.346.548)
Bảo hiểm trách nhiệm chung	23.808.652.173	17.913.983.717
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	6.189.343.975	2.112.957.440
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(3.101.135.655)	(1.508.930.923)
Phí nhận tái bảo hiểm	63.330.772.677	57.060.246.219
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	29.718.326.330	24.523.875.241
Bảo hiểm thân tàu và P&I	727.821.628	53.256.544
Bảo hiểm hàng hóa	72.681.195	802.790.270
Bảo hiểm con người	13.192.803.596	8.663.440.994
Bảo hiểm xe cơ giới	4.020.812.050	11.881.953.961
Bảo hiểm cháy	13.921.472.749	10.181.924.628
Bảo hiểm hàng không	165.582.543	273.216.202
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.120.563.874	559.728.812
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	390.708.712	120.059.567
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(134.079.494)	(51.688.165)
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(163.900.012.221)	(100.034.721.461)
	2.794.191.068.906	2.504.223.599.387

19. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.010.454.415.251	1.152.343.587.986
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	45.672.040.447	63.737.087.967
Bảo hiểm thân tàu và P&I	59.439.091.540	46.370.510.575
Bảo hiểm hàng hóa	19.570.100.852	28.353.973.935
Bảo hiểm con người	321.171.660.529	224.029.849.506
Bảo hiểm xe cơ giới	373.938.065.353	646.814.958.663
Bảo hiểm cháy	179.006.941.615	137.490.486.165
Bảo hiểm hàng không	(56.163.344)	(270.601.776)
Bảo hiểm trách nhiệm chung	6.047.233.977	3.996.985.864
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	5.665.444.282	1.820.337.087
Giảm/(tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	74.942.294.962	(161.319.242.962)
	1.085.396.710.213	991.024.345.024

20. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	324.840.279.779	271.044.752.674
Giảm trừ hoa hồng	(88.653.325.728)	(29.954.982.456)
	236.186.954.051	241.089.770.218

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng chi bồi thường	1.053.524.236.657	1.114.517.948.784
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	23.545.191.598	28.944.574.436
Bảo hiểm thân tàu và P&I	30.238.389.272	22.477.753.676
Bảo hiểm hàng hóa	14.637.138.787	27.945.421.367
Bảo hiểm con người	131.836.638.677	75.254.501.124
Bảo hiểm xe cơ giới	826.147.731.044	926.672.316.085
Bảo hiểm cháy	25.787.317.790	25.774.121.539
Bảo hiểm hàng không	70.281.730	762.455.239
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.236.294.039	6.565.846.234
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	25.253.720	120.959.084
Các khoản thu giảm chi	(4.962.493.761)	(6.620.256.721)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(383.926.644.837)	(431.392.385.051)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	654.618.293.809	(171.617.073.403)
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(525.820.280.309)	61.549.923.405
	793.433.111.559	566.438.157.014

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	152.924.187.273	112.005.994.603
Chi phí khai thác bảo hiểm	793.705.556.168	853.959.756.204
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	33.556.773	87.786.931
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	81.679.394.736	47.580.891.748
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	1.343.158.595	1.024.289.008
Chi khác	354.935.431.194	259.549.902.168
	1.384.621.284.739	1.274.208.620.662



23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	147.931.055.703	87.833.011.950
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.723.016.532	3.515.370.327
Lãi đầu tư chứng khoán	-	72.885.073.375
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	19.119.452.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.780.000	2.572.033.100
	149.744.852.235	185.924.940.807

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	607.220.409	-
Chiết khấu thanh toán	1.757.741.312	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.019.120.703	619.660.773
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.677.425.536)	(498.996.979)
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.321.686	192.115.215
	3.708.978.574	312.779.009

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp theo khoản mục		
Chi phí nhân viên	219.130.969.779	197.579.307.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.267.910.023	8.866.282.036
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.674.412.980	3.097.975.160
Thuế, phí và lệ phí	2.283.444.082	1.389.789.077
Trích lập chi phí dự phòng	1.503.530.684	365.435.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.046.650.360	70.138.530.529
Chi phí khác bằng tiền	1.880.813.864	2.762.819.576
	312.787.731.772	284.200.139.529

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp theo hoạt động kinh doanh		
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm	305.482.609.735	267.776.913.663
Hoạt động tài chính	7.255.564.345	16.345.336.734
Hoạt động khác	49.557.692	77.889.132
	312.787.731.772	284.200.139.529

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.831.341.703.638	1.604.843.001.665
Chi phí nhân viên	479.435.678.811	388.567.596.866
Chi phí văn phòng	18.385.414.096	15.383.892.288
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.674.412.980	3.097.975.160
Thuế, phí và lệ phí	13.054.458.182	14.430.097.018
Trích lập chi phí dự phòng	1.503.530.684	365.435.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.863.473.372	104.869.310.345
Chi phí khác bằng tiền	17.059.822.966	7.808.747.327
	2.486.318.494.729	2.139.366.056.598

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.420.849.495	3.376.280.068
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1.563.240.697	4.996.328.443
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.984.090.192	8.372.608.511

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	15.516.712.236	32.996.021.419
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.295.700.664)	(17.283.270.541)
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu	(338.367.399)	(114.778.432)
- Điều chỉnh các khoản hoàn nhập chi phí đã tính thuế TNDN	(4.866.553.265)	(14.596.459.009)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(90.780.000)	(2.572.033.100)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.883.235.905	1.168.649.463
Thu nhập chịu thuế	12.104.247.477	16.881.400.341
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.420.849.495	3.376.280.068
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1.563.240.697	4.996.328.443
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.984.090.192	8.372.608.511

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.532.622.044	24.623.412.908
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(392.242.263)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11.532.622.044	24.231.170.645
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	115	242

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa có quyết định chính thức của Đại hội đồng Cổ đông về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024. Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 là tạm tính và sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định phê duyệt chính thức của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty xác định lại số trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 392.242.236 VND căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước (Đã báo cáo)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	24.623.412.908	24.623.412.908
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND)	(392.242.263)	(720.334.944)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	24.231.170.645	23.903.077.964
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	242	239

29. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	767.641.937.268	763.887.754.340
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.108.072.588.983	1.096.932.209.202
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	248.744.017.816	133.131.458.082
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	91.686.633.899	199.912.996.780
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	486.909.166.469	362.978.683.216
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	486.909.166.469	362.978.683.216
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	369.761.385.141	325.532.290.106
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	280.732.770.799	400.909.071.124
Theo tỷ lệ phần trăm	157,66%	210,45%

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ bắt buộc và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	200.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	258.225.643.573	199.243.849.337
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.108.072.588.983	1.096.932.209.202
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.225.643.573	258.225.643.573	199.243.849.337	199.243.849.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	567.174.750.595	567.174.750.595	1.299.159.138.389	1.299.159.138.389
Đầu tư ngắn hạn	2.544.408.470.667	2.544.408.555.803	1.306.731.045.131	1.306.731.130.267
Đầu tư dài hạn	171.990.000.000	171.990.000.000	201.990.000.000	201.990.000.000
	3.541.798.864.835	3.541.798.949.971	3.007.124.032.857	3.007.124.117.993
Công nợ tài chính				
Vay và nợ ngắn hạn	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	706.430.379.508	706.430.379.508	628.522.643.022	628.522.643.022
Chi phí phải trả	1.335.890.110	1.335.890.110	832.675.473	832.675.473
	907.766.269.618	907.766.269.618	629.355.318.495	629.355.318.495



Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Tổng Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 5.
- Giá trị hợp lý của các khoản ngắn hạn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn hoặc không xác định.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

500
TY
H
OÁN
TT
IAM
IPV

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.225.643.573	-	258.225.643.573
Phải thu khách hàng và phải thu khác	567.174.750.595	-	567.174.750.595
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.544.408.470.667	-	2.544.408.470.667
Đầu tư tài chính dài hạn	-	171.990.000.000	171.990.000.000
	3.369.808.864.835	171.990.000.000	3.541.798.864.835
Số cuối năm			
Các khoản vay	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	706.430.379.508	-	706.430.379.508
Chi phí phải trả	1.335.890.110	-	1.335.890.110
	907.766.269.618	-	907.766.269.618
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.462.042.595.217	171.990.000.000	2.634.032.595.217
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.243.849.337	-	199.243.849.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.299.159.138.389	-	1.299.159.138.389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.306.731.045.131	-	1.306.731.045.131
Đầu tư tài chính dài hạn	-	201.990.000.000	201.990.000.000
	2.805.134.032.857	201.990.000.000	3.007.124.032.857
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	628.522.643.022	-	628.522.643.022
Chi phí phải trả	832.675.473	-	832.675.473
	629.355.318.495	-	629.355.318.495
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.175.778.714.362	201.990.000.000	2.377.768.714.362

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Tổng Công ty đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm cũng như các khu vực khai thác khác nhau để giảm thiểu rủi ro tích tụ bảo hiểm. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí khác nhau trong việc lựa chọn rủi ro, thực hiện nhiều biện pháp khác nhau trong việc đánh giá rủi ro để xây dựng mức phí phù hợp. Tổng Công ty không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ trực lợi cao.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên thống kê về tổn thất trong quá khứ và dự báo xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh ngành và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn lại phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường; và
- Với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất tăng nhưng vẫn ở trong mức chấp nhận và vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, đồng thời tận dụng được luồng tiền thu được từ phí bảo hiểm để phục vụ cho hoạt động đầu tư.

Tổng Công ty cũng thực hiện một cách triệt để, chặt chẽ các biện pháp để chuyển giao rủi ro bảo hiểm với các công ty bảo hiểm khác nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra nhưng cũng đảm bảo mục tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm và đồng bảo hiểm một cách hợp lý.

Tổng Công ty luôn thực hiện chủ trương đẩy nhanh tốc độ giám định tổn thất và giải quyết bồi thường để hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định bồi thường như: rủi ro tỷ giá, rủi ro lạm phát, rủi ro tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức... Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường tại Tổng Công ty được thực hiện theo 02 cấp độ khác nhau phụ thuộc vào mức độ phức tạp và tính chất của tổn thất:

- Đối với những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp được giám định tổn thất và xử lý bồi thường tập trung tại văn phòng Tổng Công ty;
- Đối với những vụ tổn thất nhỏ tại khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thuộc loại hình bảo hiểm xe cơ giới sẽ được xử lý tại Văn phòng đại diện Chăm sóc khách hàng và Giám định xe cơ giới miền Bắc và miền Nam; đối với những vụ tổn thất nhỏ loại hình xe cơ giới tại các khu vực còn lại và các loại hình khác mà các công ty thành viên đã có kinh nghiệm, có đủ nguồn lực để thực hiện sẽ được xử lý tại các công ty thành viên.

31. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
DB Insurance Co., Ltd Tổng Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Công ty mẹ (từ ngày 31 tháng 01 năm 2024) Công ty con của Công ty mẹ (từ ngày 19 tháng 02 năm 2024)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Công ty liên kết của Công ty mẹ (từ ngày 31 tháng 01 năm 2024)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
	<u>VND</u>
DB Insurance Co., Ltd	
Phí nhượng tái bảo hiểm	158.481.224
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	40.837.086
Tổng Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	32.665.689.245
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	2.504.279.464
Phí nhượng tái bảo hiểm	4.790.965.878
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	1.139.194.195
Doanh thu khác từ hoạt động bảo hiểm gốc	28.653.180
Thu bồi thường nhượng tái	327.677.308
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	600.430.690
Chi bồi thường nhận tái	102.112.000
Chi phí quản lý đồng bảo hiểm	440.763.186
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện	
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	3.572.212.170
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	7.688.501
Phí nhượng tái bảo hiểm	60.455.047
Doanh thu hoa hồng nhượng tái	9.446.257
Doanh thu khác từ hoạt động bảo hiểm gốc	968.309
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	1.845.240
Chi phí quản lý đồng bảo hiểm	10.689.756

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND
DB Insurance Co., Ltd	
Các khoản phải trả	117.644.138
Tổng Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	
Các khoản phải thu	2.207.830.875
Các khoản phải trả	5.399.568.203
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện	
Các khoản phải thu	332.736.143
Các khoản phải trả	399.987.059

Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>		
Ông Lê Tuấn Dũng (từ ngày 23 tháng 5 năm 2024)	1.895.758.083	-
Bà Lê Thị Hà Thanh (đến ngày 5 tháng 9 năm 2024)	1.191.095.592	3.080.416.202
Ông Nghiêm Xuân Thái (từ ngày 16 tháng 3 năm 2024)	1.982.050.000	-
Ông Nguyễn Thành Quang (đến ngày 16 tháng 3 năm 2024)	605.509.869	2.605.397.927
Ông Trần Sỹ Tiến (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	53.333.333	158.666.663
Bà Nguyễn Diệu Trinh (từ 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2024 và từ ngày 6 tháng 9 năm 2024 đến 31 tháng 12 năm 2024)	213.333.330	158.666.663
Bà Nguyễn Quỳnh Trang (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	53.333.333	78.666.665
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Bà Tào Thị Thanh Hoa	1.372.905.441	1.440.397.756
Ông Phạm Huy Khiêm (từ ngày 16 tháng 3 năm 2024)	1.086.028.295	-
Ông Ngô Hồng Khoa	1.412.937.512	1.383.700.000
Ông Lê Mạnh Cường	714.237.918	702.743.649
Ông Lê Hữu Phước (đến ngày 01 tháng 09 năm 2023)	-	160.000.000
<u>Ban Kiểm soát</u>		
Bà Cao Thu Hiền (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)	640.409.900	-
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	341.020.164	816.000.242
Ông Ngô Hồng Minh (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	31.111.111	92.555.558
Bà Nguyễn Thị Thu Hương (đến ngày 25 tháng 4 năm 2024)	31.111.111	92.555.558

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-DNPNT

32. TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm tổn thất	2020		2021		2022		2023		2024		Số ước tính/số đã chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Số ước tính chi bồi thường											
Vào cuối năm tổn thất	754.125.231.445	734.800.423.668	1.136.196.802.290	964.446.987.289	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361
1 năm sau	747.590.367.465	720.465.368.909	1.158.820.452.524	1.009.237.405.163	-	-	-	-	-	-	1.009.237.405.163
2 năm sau	708.525.450.957	712.446.252.389	1.143.569.106.022	-	-	-	-	-	-	-	1.143.569.106.022
3 năm sau	705.621.980.073	709.364.434.253	-	-	-	-	-	-	-	-	709.364.434.253
4 năm sau	704.339.026.034	-	-	-	-	-	-	-	-	-	704.339.026.034
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	704.339.026.034	709.364.434.253	1.143.569.106.022	1.009.237.405.163	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	1.686.559.262.361	5.253.069.233.833
Số đã chi trả bồi thường lũy kế											
Vào cuối năm tổn thất	462.098.856.886	488.758.961.002	766.531.199.733	752.787.598.270	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126
1 năm sau	629.285.554.730	666.800.355.616	1.067.373.516.110	951.953.318.290	-	-	-	-	-	-	951.953.318.290
2 năm sau	660.176.146.366	686.977.378.825	1.107.398.167.396	-	-	-	-	-	-	-	1.107.398.167.396
3 năm sau	674.291.029.663	693.399.419.083	-	-	-	-	-	-	-	-	693.399.419.083
4 năm sau	675.152.684.077	-	-	-	-	-	-	-	-	-	675.152.684.077
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	675.152.684.077	693.399.419.083	1.107.398.167.396	951.953.318.290	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	788.404.619.126	4.216.308.207.972
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	29.186.341.957	15.965.015.170	36.170.938.626	57.284.086.873	898.154.643.235	898.154.643.235	898.154.643.235	898.154.643.235	898.154.643.235	898.154.643.235	1.036.761.025.861
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các tổn thất từ năm 2019 trở về trước và phí giám định chưa giải quyết											26.637.842.232
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm											1.063.398.868.093

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Khoản thực chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 817.740.000 VND, là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp từ đầu năm.

Các khoản thực thu từ đi vay/thực trả nợ vay trong năm không bao gồm 5.260.291.666 VND là các khoản vay có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng, được trình bày trên cơ sở thuần.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 01/2025/NQ/ĐHĐCD ngày 28 tháng 02 năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không nay được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm DBV. Tính đến ngày phát hành báo cáo tài chính, việc thay đổi tên vẫn đang trong quá trình chờ phê duyệt của Bộ Tài chính và chưa có hiệu lực.



Trần Phương Anh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 403 /BHHK - TCKT
Vv Giải trình chênh lệch kết quả
kinh doanh năm 2024

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng quy mô lớn, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không xin được giải trình báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 biến động so với kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (Số sau kiểm toán)	Năm 2023 (Số sau kiểm toán)	Biến động giảm
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính	11,533	24,623	(13,091)

Nguyên nhân:

- Trong năm 2024, do thị trường đầu tư có nhiều biến động, Tổng công ty thay đổi cơ cấu đầu tư sang các kênh đầu tư an toàn hơn tương ứng tỉ suất sinh lời thấp hơn. Điều này dẫn đến doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng công ty giảm so với cùng kỳ.

Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không trân trọng báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nghiêm Xuân Thái